|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN** **TỈNH QUẢNG BÌNH**  | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /BC-UBND | *Quảng Bình*, *ngày tháng 7 năm 2021* |

**BÁO CÁO**

**KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2021 - 2025**

**Phần thứ nhất**

**ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN**

**KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2016 - 2020**

### I. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI

Đảng bộ và nhân dân tỉnh Quảng Bình triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Tỉnh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2015 - 2020 trong bối cảnh có nhiều thuận lợi[[1]](#footnote-1), nhưng cũng gặp không ít khó khăn và thách thức[[2]](#footnote-2). Tuy nhiên, với sự lãnh đạo, chỉ đạo đúng đắn, quyết liệt, kịp thời của các cấp uỷ đảng; cùng với các biện pháp điều hành có hiệu quả của chính quyền các cấp; vai trò của mặt trận và các đoàn thể được phát huy; đồng thời được sự giúp đỡ của Trung ương, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh; Đảng bộ và nhân dân toàn tỉnh đã đoàn kết, nỗ lực quyết tâm phấn đấu vượt qua khó khăn, thách thức thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI đạt được nhiều kết quả quan trọng trên lĩnh vực kinh tế - xã hội: Cơ cấu chuyển dịch đúng hướng; tái cơ cấu các ngành kinh tế bước đầu đã có kết quả theo hướng chất lượng, hiệu quả; du lịch có bước phát triển nhanh, dần tạo được thương hiệu; kết cấu hạ tầng được quan tâm đầu tư; Lĩnh vực văn hóa - xã hội đạt được những kết quả tích cực; công tác giải quyết việc làm, xóa đói, giảm nghèo được đẩy mạnh; đời sống của nhân dân được cải thiện tích cực và nâng cao...

*\* Các chỉ tiêu kinh tế*

- Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) bình quân thời kỳ 2016 - 2020 đạt 5,97% (Kế hoạch: 8,5 - 9%);

- Giá trị sản xuất tăng bình quân hàng năm: Nông, lâm nghiệp và thuỷ sản 3,88% (Kế hoạch: 4 - 4,5%); công nghiệp tăng 8,05% (Kế hoạch: 11 - 11,5%); dịch vụ tăng 5,12% (Kế hoạch: 9 - 9,5%);

- Cơ cấu kinh tế năm 2020: Nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 21,42%; công nghiệp và xây dựng chiếm 28,19%; dịch vụ chiếm 50,39% (Kế hoạch: Nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 20,0%; công nghiệp - xây dựng chiếm 28,0%; dịch vụ chiếm 52,0%);

- Năm 2020 thu ngân sách trên địa bàn đạt 5.882 tỷ đồng (Kế hoạch 8.000 tỷ đồng);

- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện (2016 - 2020) 92.906 tỷ đồng (Kế hoạch 60.000 tỷ đồng);

- GRDP bình quân đầu người năm 2020 đạt 46,33 triệu đồng (Kế hoạch 65 - 70 triệu đồng);

- Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn quốc gia về nông thôn mới năm 2020 là 63,3% (81/128 xã) (Kế hoạch 50% số xã);

*\* Các chỉ tiêu xã hội*

- Giải quyết việc làm trung bình hàng năm trên 3,25 vạn lao động, trong đó: tạo việc làm cho 1,7 - 1,8 vạn lao động (Kế hoạch 3,1 - 3, 2 vạn);

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân hàng năm 2,1% (theo chuẩn giai đoạn 2016 - 2020) (Kế hoạch giảm 2 - 3% theo chuẩn 2011 - 2015);

- Tốc độ tăng dân số bình quân 0,60% (Kế hoạch 5 năm 0,6 - 0,65%/năm);

- Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia năm 2020 đạt 99,80% (Kế hoạch đến năm 2020 đạt 99,8%);

- Tỷ lệ số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế năm 2020 đạt 95,36% (Kế hoạch đến năm 2020 đạt 90,6%);

- Số giường bệnh bình quân trên 1 vạn dân năm 2020 đạt 35,0 giường (Kế hoạch đến năm 2020 đạt 25,5 giường);

- Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế năm 2020 đạt 90,1% (Kế hoạch đến năm 2020 đạt 80%);

 - Tỷ lệ xã, phường, thị trấn hoàn thành phổ cập THCS (mức độ III) năm 2020 đạt 100,0% (Kế hoạch đến năm 2020 đạt 100%);

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2020 đạt 65%; trong đó đào tạo nghề đạt 50,0% (Kế hoạch có 65% lao động qua đào tạo; trong đó đào tạo nghề đạt 50%);

*\* Các chỉ tiêu về môi trường*

- Tỷ lệ dân cư thành thị được sử dụng nước sạch năm 2020 đạt 97,2% (Nghị quyết Đại hội đến năm 2020 đạt 97%); Tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh năm 2020 đạt 94,2% (Kế hoạch đến năm 2020 đạt 90%);

- Tỷ lệ che phủ rừng năm năm 2020 đạt 67,88% (Kế hoạch đạt 69 - 70%).

Mặc dù kinh tế có mức tăng trưởng khá, nhưng chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế; năng suất, chất lượng tăng trưởng, và sức cạnh tranh của nền kinh tế vẫn còn thấp; 07 chỉ tiêu chủ yếu chưa đạt kế hoạch đề ra[[3]](#footnote-3); tái cơ cấu các ngành kinh tế còn chậm; thu ngân sách thiếu vững chắc, nguồn thu từ đất chiếm tỷ trọng lớn; nguồn nhân lực chưa đáp ứng được yêu cầu; áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất còn ít; giáo dục, đào tạo chậm được đổi mới; công tác chăm sóc sức khoẻ nhân dân chưa đáp ứng nhu cầu; tỷ lệ hộ nghèo còn cao; quản lý tài nguyên, ô nhiễm môi trường, thiên tai diễn biến phức tạp; vi phạm trật tự an toàn xã hội còn xảy ra một số nơi...

**II. TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRÊN CÁC LĨNH VỰC**

**1. Về Kinh tế**

***1.1. Về tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế***

Tốc độ tăng trưởng (GRDP) bình quân hàng năm giai đoạn 2016 - 2020 đạt 5,97% (KH 8,5-9%)[[4]](#footnote-4), đây là sự nỗ lực quyết tâm phấn đấu rất lớn của Đảng bộ, chính quyền, quân và dân tỉnh nhà trong điều kiện có nhiều khó khăn, thách thức. Bình quân giai đoạn 2016 - 2020, tốc độ tăng giá trị tăng thêm 03 khu vực của nền kinh tế như sau: công nghiệp - xây dựng tăng 9,20% (trong đó: công nghiệp tăng 7,52%, xây dựng tăng 10,72%); khu vực dịch vụ tăng 5,34%; khu vực nông, lâm nghiệp và thuỷ sản tăng 3,93%. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng các ngành dịch vụ, công nghiệp - xây dựng và giảm dần tỷ trọng ngành nông, lâm, ngư nghiệp[[5]](#footnote-5). GRDP bình quân đầu người đã được cải thiện đáng kể, đến năm 2020, GRDP bình quân đầu người tính theo giá hiện hành đạt 46,33 triệu đồng/năm, bằng 1,5 lần so với năm 2015.

Hướng phát triển chiến lược về kinh tế của tỉnh đã được định hình rõ, từng bước tạo lập nền tảng quan trọng cho phát triển nhanh và bền vững. Đã khai thác, phát huy tốt tiềm năng, lợi thế, nhất là du lịch, dịch vụ, kinh tế biển, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản; chất lượng tăng trưởng kinh tế được cải thiện. Các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu du lịch, dịch vụ, thương mại và một số vùng động lực, như: Khu Kinh tế Hòn La, Khu Kinh tế cửa khẩu Cha Lo, thành phố Đồng Hới, vùng ven biển,... được tập trung đầu tư, ngày càng phát huy hiệu quả; Khu Du lịch Phong Nha - Kẻ Bàng trở thành địa điểm du lịch nổi tiếng trong nước và quốc tế. Huy động các nguồn lực cho phát triển kinh tế đạt được những kết quả quan trọng; kêu gọi được một số tập đoàn lớn, có thương hiệu đầu tư tại tỉnh đã đóng góp tích cực cho kinh tế tỉnh nhà.

Hợp tác, trao đổi trong vùng Bắc Trung bộ được quan tâm nhằm phát huy tiềm năng, lợi thế của vùng với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và hài hòa lợi ích mỗi địa phương[[6]](#footnote-6).

*Tuy nhiên,* tăng trưởng kinh tế của tỉnh chưa có sự bứt phá; chất lượng và hiệu quả kinh tế chưa cao, chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của tỉnh; chuyển dịch cơ cấu kinh tế chưa thật sự rõ nét; sức cạnh tranh của nền kinh tế, của các doanh nghiệp còn yếu; năng suất lao động còn thấp. Sản xuất nông nghiệp phụ thuộc nhiều vào thời tiết, thị trường, dịch bệnh; nhiều tiềm năng, lợi thế để phát triển du lịch chưa được khai thác và phát huy có hiệu quả.

***1.2. Công tác quy hoạch và quản lý đô thị***

Công tác xây dựng, quản lý, triển khai thực hiện quy hoạch có nhiều tiến bộ, chất lượng quy hoạch được nâng lên; đã triển khai xây dựng Quy hoạch tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định của Luật Quy hoạch. Nhiều quy hoạch quan trọng nhằm định hướng phát triển đô thị và triển khai các dự án góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh được phê duyệt. Công tác quy hoạch đô thị chuyển biến rõ nét. Hạ tầng đô thị được quy hoạch, đầu tư, nâng cấp, mở rộng. Công tác quản lý quy hoạch xây dựng, kiến trúc, cảnh quan được thực hiện nghiêm túc; chỉnh trang đô thị thành phố Đồng Hới, trung tâm các huyện lỵ, thị xã, thị trấn được quan tâm chú trọng. Hệ thống hạ tầng các đô thị đã từng bước được đầu tư theo hướng đồng bộ, nhất là hệ thống giao thông nội thị, cấp nước và vệ sinh môi trường... Đến năm 2020, tỷ lệ đô thị hóa đạt 30%; 97,2% dân cư đô thị được dùng nước sạch.

*Tuy vậy*, các văn bản hướng dẫn Luật Quy hoạch chậm ban hành nên thực hiện theo quy định của Luật còn nhiều lúng túng; việc lập một số quy hoạch xây dựng, quy hoạch nông thôn mới chưa đảm bảo chất lượng so với yêu cầu, chưa phù hợp thực tế nên phải điều chỉnh nhiều lần; công tác công khai, quản lý và thực hiện quy hoạch của một số địa phương chưa đồng bộ, thiếu kịp thời. Tiến độ thực hiện một số dự án nhà ở thương mại, khu đô thị mới còn chậm.

***1.3. Nông, lâm nghiệp và thủy sản***

Mặc dù giai đoạn 2016 - 2020 gặp nhiều khó khăn thách thức của thiên tai, dịch bệnh... nhưng ngành nông nghiệp của tỉnh vẫn đạt được nhiều kết quả quan trọng. Giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản tăng bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 3,88% (Kế hoạch 4-4,5%). Cơ cấu sản xuất trong nông nghiệp chuyển dịch đúng hướng; tỷ trọng nông nghiệp giảm từ 68,32% năm 2016 xuống còn 62,28% năm 2020; lâm nghiệp tăng từ 7,17% lên 8,5% và thuỷ sản tăng từ 24,51% lên 29,22%. Sản xuất từng bước chuyển hướng sang chất lượng, giá trị; hình thành các vùng sản xuất tập trung; sản xuất theo hướng an toàn, VietGAP được chú trọng.

Sản xuất nông nghiệp hàng năm cơ bản ổn định về mặt diện tích, liên tục nhiều năm được mùa; sản lượng lương thực bình quân đạt 30,2 vạn tấn/năm (vượt chỉ tiêu KH 28-28,5 vạn tấn); đẩy mạnh cơ cấu lại trồng trọt nên hiệu quả sản xuất tăng cao, cơ cấu giống chuyển đổi tích cực[[7]](#footnote-7); việc ứng dụng công nghệ cao được chú trọng góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị. Đã tập trung đẩy mạnh chuyển đổi đất lúa kém hiệu quả sang cây trồng khác hiệu quả cao hơn[[8]](#footnote-8); kết hợp với việc chuyển đổi trên vùng gò đồi sang các loại cây trồng có hiệu quả, thích ứng với biến đổi khí hậu đã góp phần tăng thu nhập trên một đơn vị diện tích. Các địa phương tiếp tục chỉ đạo dồn điền đổi thửa (bình quân 2 thửa/hộ), tích tụ ruộng đất, đưa nhanh cơ giới hoá vào sản xuất. Kêu gọi, hỗ trợ doanh nghiệp liên kết với nông dân, HTX sản xuất theo chuỗi giá trị, cánh đồng lớn; năm 2020 diện tích thực hiện cánh đồng lớn 7.235ha[[9]](#footnote-9). Công tác chăm sóc phục hồi và trồng mới cây lâu năm đạt kết quả khá. Năm 2020, sản lượng mủ cao su 5.897 tấn, tăng bình quân 6,9%/năm; sản lượng hồ tiêu 1.055 tấn, tăng bình quân 10,32%/năm.

Chăn nuôi từng bước chuyển theo hướng chất lượng, giá trị; phát triển theo hướng trang trại, gia trại tập trung, thâm canh[[10]](#footnote-10); công tác thú y, phòng chống dịch bệnh được chú trọng; các tiến bộ kỹ thuật về giống, quy trình chăn nuôi mới, công nghệ cao trong lai tạo giống, thụ tinh nhân tạo được áp dụng[[11]](#footnote-11); liên kết theo chuỗi giá trị được chú trọng[[12]](#footnote-12). Nhờ vậy, hệ số xuất chuồng, trọng lượng xuất chuồng của một số loại sản phẩm tăng khá[[13]](#footnote-13). Tỷ trọng giá trị sản xuất ngành chăn nuôi trong sản xuất nông nghiệp năm 2020 chiếm 59,01%, tăng 4,57 điểm phần trăm so với năm 2016 (vượt chỉ tiêu KH 46-47%).

Sản xuất lâm nghiệp từng bước xã hội hóa và chuyển đổi theo hướng giá trị, công tác phát triển, sử dụng rừng hợp lý và hiệu quả từ rừng. Giai đoạn 2016-2020 trồng mới 42.706 ha rừng[[14]](#footnote-14); sản lượng gỗ khai thác từ rừng trồng năm 2020 đạt 577.313 m3, bình quân hàng năm tăng 28,3%. Nguồn giống được kiểm soát, năng suất, chất lượng rừng trồng được cải thiện; công tác bảo vệ và phát triển rừng ngày càng được chú trọng, hiệu quả. Quản lý và thực hiện tốt việc rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng, đảm bảo quỹ đất phục vụ phát triển KT-XH tỉnh. Độ che phủ rừng năm đến 2020 đạt 67,88%, đứng thứ 02 toàn quốc.

Ngành thuỷ sản phát triển đồng bộ cả về nuôi trồng, đánh bắt, dịch vụ hậu cần nghề cá. Sản lượng thuỷ sản liên tục tăng, năm 2020 đạt 87.280 tấn[[15]](#footnote-15), vượt chỉ tiêu Kế hoạch (64.000 tấn). Đã thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ phát triển thủy sản[[16]](#footnote-16). Năng lực, hiệu quả đánh bắt xa bờ ngày càng tăng, chất lượng sản phẩm khai thác được cải thiện đáng kể. Nuôi trồng thuỷ sản từng bước phát triển theo hướng bền vững, đa dạng hóa đối tượng nuôi, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm; năng suất, sản lượng hàng năm không ngừng tăng lên.

 ***Chương trình xây dựng nông thôn mới***: Mặc dù xuất phát điểm của tỉnh thấp nhưng với sự quyết tâm, nỗ lực của cả hệ thống chính trị và cách làm sáng tạo ở nhiều địa phương nên chương trình xây dựng nông thôn mới của tỉnh đạt được nhiều kết quả[[17]](#footnote-17); đến hết năm 2020, toàn tỉnh có 81/128 xã đạt chuẩn nông thôn mới (chiếm 63,3%, vượt chỉ tiêu NQ là 50% số xã). Bộ mặt nông thôn có nhiều khởi sắc, ngày càng khang trang, văn minh hơn; đời sống vật chất, tinh thần được cải thiện đáng kể[[18]](#footnote-18).

***Công tác phòng, chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ***

Trong gian đoạn 2016-2020, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra nhiều đợt mưa lũ liên tiếp, đặc biệt trận bão lịch sử năm 2017, lũ lụt lịch sử năm 2020 gây thiệt hại nghiêm trọng. Trước, trong, sau bão lũ, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cấp, các ngành triển khai đồng bộ, kịp thời các giải pháp phòng chống và khắc phục hậu quả. Triển khai các phương án ứng phó, cứu hộ, cứu nạn, di dời dân đến nơi an toàn; cứu trợ lương thực, nhu yếu phẩm cho nhân dân; tổ chức thăm hỏi, động viên kịp thời các gia đình bị thiệt hại, gia đình có người thiệt mạng, bị thương; đảm bảo nước uống, tăng cường dọn dẹp vệ sinh, tiêu độc khử trùng, phòng chống các loại dịch bệnh; tập trung tiếp nhận, phân phối tiền và hàng cứu trợ đến người dân nhanh chóng, kịp thời, đúng đối tượng; chỉ đạo khôi phục sản xuất, kinh doanh sau lũ lụt... Nhờ vậy, tình hình sản xuất và đời sống, học tập của bà con nhân dân và các em học sinh tại những nơi bị ảnh hưởng sớm được ổn định trở lại.

*Tuy vậy,* quy mô sản xuất nông nghiệp của tỉnh vẫn còn nhỏ; tích tụ ruộng đất gặp khó khăn; nông nghiệp chưa hình thành vùng nguyên liệu; ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất còn hạn chế; tốc độ chuyển dịch nội bộ ngành còn chậm; tỷ trọng, chất lượng hàng hoá nông sản thấp; liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, sản xuất nông nghiệp công nghệ cao chưa nhiều; hoạt động chống khai thác IUU, tháo gỡ thẻ vàng của EC gặp khó khăn; chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp chưa thực sự phát huy hiệu quả, nhất là hỗ trợ đánh bắt xa bờ. Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, thời tiết, dịch bệnh diễn biến phức tạp. Chương trình xây dựng nông thôn mới có phần chững lại, khoảng cách chênh lệch về kết quả xây dựng NTM giữa các địa phương còn khá lớn.

***1.4. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp***

Trong bối cảnh khủng hoảng tài chính và suy giảm kinh tế, nhiều dự án công nghiệp lớn của tỉnh bị chậm tiến độ nhưng tình hình sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng khá. Giá trị sản xuất công nghiệp bình quân giai đoạn 2016-2020 tăng 8,05%/năm[[19]](#footnote-19); các sản phẩm công nghiệp chủ yếu tăng trưởng ổn định[[20]](#footnote-20). Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng trong cơ cấu kinh tế (GRDP) năm 2020 chiếm 28,19%, (mục tiêu Nghị quyết Đại hội 28%). Đã có sự chuyển dịch nội bộ ngành theo hướng tăng tỷ trọng các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo; năng suất, chất lượng sản phẩm được nâng cao, nhiều sản phẩm đã khẳng định được thương hiệu và có chỗ đứng vững chắc trên thị trường như: xi măng, gạch ceramic, phân vi sinh, may mặc, chế biến gỗ, chế biến thủy sản... Một số dự án may xuất khẩu, chế biến gỗ, kính cường lực… được đầu tư và đi vào hoạt động có đóng góp đáng kể vào tăng trưởng ngành công nghiệp.

Tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề nông thôn có bước phát triển khá, thu hút và giải quyết nhiều việc làm, góp phần chuyển dịch cơ cấu ngành nghề, thúc đẩy phát triển kinh tế khu vực nông nghiệp và nông thôn. Nhiều cơ sở công nghiệp nông thôn đã mạnh dạn đầu tư công nghệ, thiết bị, mở rộng sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm[[21]](#footnote-21).

Hạ tầng các khu kinh tế, khu công nghiệp đã được quan tâm đầu tư tạo điều kiện thu hút đầu tư, khai thác tốt thế mạnh sẵn có của địa phương để phát triển công nghiệp. Công tác xúc tiến đầu tư được chú trọng, một số dự án đầu tư mới đã đi vào hoạt động, đang phát huy hiệu quả[[22]](#footnote-22)... góp phần thúc đẩy tăng trưởng công nghiệp, từng bước khẳng định được vai trò là ngành trọng điểm, tạo động lực phát triển kinh tế. Đã tích cực kêu gọi đầu tư các dự án năng lượng sạch, năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời, thủy điện, điện sinh khối…)[[23]](#footnote-23). Trong năm 2020, đã có nhiều dự án công nghiệp lớn của tỉnh như: Nhiệt điện Quảng Trạch, Nhà máy điện mặt trời 49,5MWp của Tập đoàn Dohwa, Cụm trang trại điện gió B&T…khởi công xây dựng.

*Tuy vậy*, chưa có các dự án công nghiệp lớn đi vào hoạt động; phần lớn các cơ sở sản xuất công nghiệp của tỉnh có quy mô nhỏ; năng suất, chất lượng sản phẩm còn thấp; thị trường tiêu thụ thiếu ổn định; một số dự án sản xuất công nghiệp mới đầu tư hoàn thành đưa vào sản xuất nhưng chưa phát huy hiệu quả; nhiều dự án triển khai chậm tiến độ[[24]](#footnote-24); việc thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào đầu tư sản xuất công nghiệp trong tỉnh còn khiêm tốn. Tiểu thủ công nghiệp mặc dù có tăng trưởng nhưng công nghệ thiết bị lạc hậu, quy mô nhỏ lẻ, sức cạnh tranh yếu...

***1.5. Các ngành dịch vụ***

Hoạt động thương mại tiếp tục phát triển, mạng lưới kinh doanh được mở rộng cả về số lượng và quy mô từ thành thị đến nông thôn, hình thành mạng lưới phân phối hàng hóa rộng khắp[[25]](#footnote-25). Hàng hóa trên thị trường được cung ứng đầy đủ, ngày càng phong phú, đa dạng; giá cả ổn định, chỉ số giá tiêu dùng được kiểm soát tốt; cân đối cung cầu các loại vật tư quan trọng và hàng tiêu dùng thiết yếu được đảm bảo. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tăng bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 9,7% (mục tiêu Kế hoạch tăng 13,5%). Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu giai đoạn 2016-2020 đạt 1.386 triệu USD, trong đó tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 662 triệu USD, tăng bình quân 1,9%/năm; tổng kim ngạch nhập khẩu đạt 724 triệu USD, tăng bình quân 6,6%/năm. Công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường được tăng cường, không để xẩy ra hiện tượng đầu cơ, khan hàng, sốt giá. Đã thu hút được nhiều dự án phát triển hạ tầng thương mại, dịch vụ có quy mô lớn, văn minh và tiện ích đưa vào hoạt động[[26]](#footnote-26) tạo thuận lợi cho việc mua sắm của người dân.

Đã triển khai thực hiện tốt Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển du lịch Quảng Bình giai đoạn 2016 - 2020, du lịch có bước phát triển mạnh mẽ, vươn lên là một điểm sáng của du lịch Việt Nam, là điểm đến hấp dẫn của du khách và địa chỉ đáng tin cậy của các nhà đầu tư, dần khẳng định được thương hiệu[[27]](#footnote-27). Đặc biệt, mặc dù sự cố môi trường biển, thiên tai và đại dịch Covid-19 đã gây ảnh hưởng rất nặng nề đến phát triển du lịch của tỉnh, có thời điểm du lịch bị ngưng trệ hoàn toàn, nhưng đã có sự phục hồi mạnh mẽ về số lượng và chất lượng. Tổng số khách du lịch đến tỉnh giai đoạn 2016 - 2020 đạt 14,2 triệu lượt khách (năm 2020 ước đạt 1,85 triệu lượt), tăng 54,7% so với giai đoạn 2011 - 2015; doanh thu tăng bình quân 9 - 10%/năm. Mạng lưới cơ sở lưu trú có bước phát triển mạnh, chất lượng phục vụ được nâng lên. Nhiều tuyến du lịch, loại hình du lịch mới, như du lịch mạo hiểm, du lịch trải nghiệm... được đưa vào khai thác có hiệu quả. Đến nay, toàn tỉnh có khoảng 370 cơ sở lưu trú du lịch[[28]](#footnote-28); hệ số lưu trú được cải thiện đáng kể, năm 2020 đạt 1,45 ngày (năm 2015 là 1,19 ngày). Công tác quản lý nhà nước về du lịch được triển khai hiệu quả, kịp thời; tình hình an ninh trật tự đảm bảo, xây dựng văn hóa du lịch văn minh, bình đẳng, góp phần tạo môi trường kinh doanh, phát triển ổn định, bền vững, thu hút được sự tham gia của nhiều nhà đầu tư vào lĩnh vực du lịch[[29]](#footnote-29).

Dịch vụ vận tải và các loại hình dịch vụ hỗ trợ phát triển khá nhanh, đa dạng, với nhiều sản phẩm mới tiện ích, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của xã hội[[30]](#footnote-30). Dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, bưu chính viễn thông phát triển nhanh và đa dạng; các dịch vụ tư vấn pháp luật, khoa học công nghệ... có nhiều chuyển biến tích cực.

*Tuy vậy,* công tác quản lý thị trường, kiểm tra, kiểm soát an toàn thực phẩm, hàng giả, hàng nhái...vẫn còn nhiều bất cập; hoạt động xuất khẩu trong tỉnh gặp nhiều khó khăn. Sản phẩm du lịch còn ít, đơn điệu; các sản phẩm du lịch văn hóa - lịch sử, làng nghề rất hạn chế; nhiều sản phẩm du lịch chưa hoàn thiện. Còn thiếu các khu vui chơi giải trí, trung tâm mua sắm, khu nghỉ dưỡng cao cấp và các dịch vụ hỗ trợ phục vụ khách. Hệ số khách lưu trú còn thấp. Chi tiêu của khách du lịch còn ở mức thấp; tỷ trọng đóng góp của kinh tế du lịch trong tăng trưởng kinh tế chưa tương xứng.

***1.6. Phát triển kết cấu hạ tầng***

Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được quan tâm đầu tư, nâng cấp, kết nối đồng bộ, nhất là hạ tầng giao thông. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội trong 5 năm 2016 - 2020 đạt 92.906 tỷ đồng[[31]](#footnote-31) (Kế hoạch 60.000 tỷ đồng), tăng 1,8 lần so giai đoạn 2011 - 2015. Việc sử dụng các nguồn vốn đầu tư công để đầu tư các công trình, dự án ngày càng tập trung, hiệu quả hơn. Nhiều dự án trọng điểm đã hoàn thành, đưa vào sử dụng, như: Cầu Nhật Lệ 2, mở rộng Quốc lộ 1A đoạn qua tỉnh, Tỉnh lộ 565, đường từ thị trấn Hoàn Lão đến đường Hồ Chí Minh nhánh Đông, đường nối Khu Công nghiệp Hòn La với Khu Công nghiệp xi măng tập trung Tiến - Châu - Văn Hóa, hệ thống đường đường Hồ Chí Minh nhánh Đông,... Trong điều kiện nguồn vốn đầu tư từ Ngân sách nhà nước khó khăn, đã nỗ lực huy động các nguồn lực từ bên ngoài cho đầu tư phát triển, như: tập trung thu hút nguồn vốn ODA[[32]](#footnote-32), tích cực vận động các dự án đầu tư theo hình thức hợp tác công - tư (PPP), phát triển quỹ đất để tạo nguồn thu. Hệ thống giao thôngtrên địa bàn toàn tỉnh phát triển đồng bộ, kết nối tương đối liên hoàn, bao gồm đủ cả 5 loại hình đường bộ[[33]](#footnote-33), đường sắt[[34]](#footnote-34), hàng không[[35]](#footnote-35), hàng hải[[36]](#footnote-36), đường thủy nội địa; kết nối thuận lợi với cả nước và các nước trong khu vực. Trong lĩnh vực nông nghiệp, bằng nhiều nguồn vốn, tỉnh đã đầu tư phát triển đồng bộ, từng bước hiện đại hệ thống thủy lợi, xây dựng, nâng cấp, bảo đảm an toàn hồ chứa, các công trình ngăn mặn, hệ thống đê bao sông biển, công trình hạ tầng phục vụ sản xuất nông, lâm, thủy sản và các công trình nước sạch[[37]](#footnote-37). Tỷ lệ tưới tiêu chủ động tăng từ 95% năm 2016 lên 97,5% năm 2020; tỷ lệ hộ nông thôn dùng nước hợp vệ sinh 86% năm 2016 lên 94% năm 2020. Hệ thống lưới điện trên địa bàn tỉnh được đầu tư xây dựng tương đối hoàn thiện, góp phần đảm bảo cung cấp điện ổn định cho phát triển kinh tế xã hội[[38]](#footnote-38). Hạ tầng dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin được đầu tư khá hiện đại, ứng dụng đạt nhiều kết quả, đồng bộ từ thành thị đến vùng sâu vùng xa. Công tác phát triển hạ tầng xã hội tạo được nhiều dấu ấn, nhất là việc xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, kiên cố hóa trường học theo hướng chuẩn hoá, hiện đại[[39]](#footnote-39); mạng lưới y tế từ tỉnh đến các xã, vùng sâu, vùng xa được quan tâm đầu tư về cơ sở vật chất và trang thiết bị; xã hội hóa y tế trong đầu tư có nhiều kết quả đáp ứng tốt nhu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân.

 *Tuy vậy,* một số dự án lớn triển khai còn chậm tiến độ; giao thông đô thị, nội thị và các vùng trọng điểm chưa đáp ứng được yêu cầu; một số vùng chưa đảm bảo giao thông thông suốt trong mùa mưa lũ; hệ thống đê sông, đê biển, các hồ chứa xuống cấp chậm được đầu tư; nước sạch còn thiếu nhất là khu vực nông thôn; hạ tầng cấp điện chưa hiện đại, đồng bộ; hạ tầng văn hóa, giáo dục, y tế chưa đáp ứng được nhu cầu; công tác quản lý, bảo dưỡng, phát huy hiệu quả công trình hạ tầng sau đầu tư còn yếu; chưa có đột phá trong thu hút nguồn lực ngoài ngân sách tham gia đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng…

***1.7. Tài chính – tín dụng, ngân hàng***

Công tác tài chính, ngân sách nhà nước trong nhiệm kỳ thực hiện theo hướng công khai, minh bạch, đáp ứng yêu cầu chỉ đạo, điều hành của tỉnh, góp phần quan trọng đối với sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, xử lý các vấn đề cấp bách về thiên tai, dịch bệnh... Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh năm 2020 đạt 5.882 tỷ đồng, thực hiện giai đoạn 2016-2020 đạt 22.234 tỷ đồng[[40]](#footnote-40), tăng thu bình quân 17,4%/năm. Cơ cấu thu ngân sách có sự chuyển hướng tiến bộ, thu nội địa vẫn chiếm ưu thế trong tổng số thu thuế, phí; thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp và các thành phần kinh tế chiếm tỷ trọng cao và tăng theo tỷ lệ tăng trưởng kinh tế. Chi ngân sách có nhiều chuyển biến tích cực theo hướng giảm các khoản chi bao cấp từ ngân sách, tăng dần tỷ lệ cho đầu tư phát triển, tập trung ưu tiên cho những nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và các công trình trọng điểm, cấp bách của tỉnh. Tổng chi ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020 là 53.292 tỷ đồng; chi đầu tư phát triển chiếm 28,2%; chi thường xuyên đã từng bước quản lý chặt chẽ theo chế độ, định mức quy định, giao quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm.

Hệ thống ngân hàng, tổ chức tín dụng ngày càng phát triển, đáp ứng nhu cầu vay vốn phát triển sản xuất, kinh doanh; bám sát các chính sách tiền tệ, tín dụng của Chính phủ và mục tiêu phát triển của tỉnh để huy động và cho vay, tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên, các chương trình kinh tế - xã hội trọng điểm, tháo gỡ khó khăn, nâng cao năng lực cho doanh nghiệp, các thành phần kinh tế. Tổng nguồn vốn huy động của các tổ chức tín dụng đến cuối năm 2020 đạt 48.243 tỷ đồng, tổng dư nợ cho vay đến cuối năm 2020 đạt 59.816 tỷ đồng tăng gấp đôi so với đầu nhiệm kỳ (trong đó nguồn vốn huy động tăng 106%, tổng dư nợ tăng 112%).

*Tuy nhiên,* tổng số thu ngân sách còn thấp so kế hoạch, cơ cấu thu chưa hợp lý, thiếu bền vững, ít có khoản thu mới phát sinh, tình trạng nợ đọng thuế, nợ tạm ứng xây dựng cơ bản vẫn còn diễn ra; các nguồn lực đất đai, tài nguyên, công sản chưa được quản lý và sử dụng có hiệu quả; tình trạng trốn thuế và nợ thuế còn cao. Chi ngân sách tăng nhanh, vượt khả năng cân đối; tích lũy ngân sách cho đầu tư phát triển thấp, thiếu gắn kết giữa quyết định đầu tư với cân đối nghĩa vụ trả nợ. Nhu cầu vay vốn lớn; việc tiếp cận nguồn vốn vay một số lĩnh vực còn khó khăn; nợ quá hạn, nợ xấu cho vay trong một số lĩnh vực còn cao.

***1.8. Hoạt động đối ngoại và xúc tiến đầu tư***

Hoạt động đối ngoại giai đoạn 2016 - 2020 tập trung tăng cường quan hệ hữu nghị truyền thống, hợp tác toàn diện giữa tỉnh Quảng Bình với các tỉnh của nước bạn Lào[[41]](#footnote-41); tiếp tục tăng cường và mở rộng quan hệ hợp tác với các tỉnh Đông Bắc Thái Lan; các địa phương, tổ chức của Hàn Quốc, Nhật Bản, EU, Mỹ, Ô-xtơ-rây-li-a; tạo môi trường thuận lợi trong thu hút đầu tư và tổ chức xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại ở một số quốc gia để tranh thủ nguồn ODA, FDI; chủ động, tích cực vận động, kêu gọi viện trợ phi chính phủ nước ngoài; thực hiện nghiêm túc các quy định về quản lý đoàn ra, đoàn vào, giải quyết lãnh sự, quản lý người nước ngoài; triển khai và đẩy mạnh công tác người Việt Nam ở nước ngoài; thực hiện tốt việc giải quyết vấn đề người di cư tự do và kết hôn không giá thú trong vùng biên giới Việt Nam – Lào. Xây dựng và duy trì đường biên giới quốc gia trên đất liền với 2 tỉnh nước bạn Lào luôn hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển. Triển khai thực hiện thành công các chương trình hợp tác cấp quốc gia qua biên giới với nước CHDCND Lào trên địa bàn tỉnh.

*Đối với công tác thu hút vốn ODA:* Giai đoạn 2016 - 2020, thu hút được 25 dự án ODA, trong đó, 09 dự án chuyển tiếp, với tổng số vốn đầu tư 104,79 triệu USD và vận động mới 16 dự án, với tổng số vốn ký kết 251,26 triệu USD.

*Đối với lĩnh vực FDI*, giai đoạn 2016-2020, đã thu hút được 11 dự án, với tổng số vốn đăng ký 114 triệu USD. Ngoài ra, thông qua hoạt động góp vốn, mua cổ phần, phần góp vốn, Tập đoàn SCG (Thái Lan) đã đầu tư, mua lại 02 dự án nhà máy xi măng lớn trên địa bàn tỉnh (Nhà máy xi măng Văn Hóa; Nhà máy xi măng Sông Gianh) với số vốn đầu tư trên 400 triệu USD.

*Đối với lĩnh vực NGO*, giai đoạn 2016 - 2020, vận động được 103 dự án với tổng số vốn cam kết là 10,98 triệu USD. Giải ngân NGO của các dự án chuyển tiếp và cam kết mới là: 16,9 triệu USD.

Công tác xúc tiến, thu hút đầu tư có nhiều chuyển biến tích cực và quyết liệt hơn; đã đẩy mạnh vận động, xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước, đưa các thông tin quảng bá về tiềm năng và thế mạnh của tỉnh lên các phương tiện, kênh thông tin có uy tín, đạt hiệu quả. Chính sách thu hút đầu tư của tỉnh được cải thiện và đổi mới có hiệu quả hơn, chú trọng về chất lượng, có chọn lọc, đặc biệt là ở các lĩnh vực quan trọng, như du lịch - dịch vụ, năng lượng tái tạo, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Đã tổ chức thành công Hội nghị xúc tiến đầu tư Quảng Bình năm 2018 và năm 2021 với quy mô lớn nhất từ trước đến nay[[42]](#footnote-42). Môi trường đầu tư, kinh doanh tiếp tục được cải thiện mạnh mẽ; các địa phương, ban, ngành đều ban hành bộ thủ tục hành chính và thực hiện các thủ tục theo cơ chế một cửa; thường xuyên gặp gỡ, trao đổi, đối thoại giữa lãnh đạo Tỉnh và các doanh nghiệp, các nhà đầu tư. Nhờ đó, số lượng nhà đầu tư, các tập đoàn kinh tế lớn trong và ngoài nước đến tìm hiểu cơ hội đầu tư ngày càng tăng[[43]](#footnote-43); trong đó nhiều nhà đầu tư có uy tín và thương hiệu đã và đang đầu tư tại tỉnh như Vingroup, FLC, SCG, Dohwa, CP Group, DIC Corp…

*Tuy vậy,* quan hệ hữu nghị hợp tác với các tỉnh của Lào, Thái Lan trên một số lĩnh vực chưa tương xứng với tiềm năng của mỗi địa phương; hiệu quả về mặt kinh tế chưa nhiều. Quá trình vận động vốn ODA kéo dài do phát sinh nhiều thủ tục theo quy định. Môi trường đầu tư kinh doanh đã có nhiều cải thiện, nhưng thực tế các vướng mắc về thủ tục đầu tư còn nhiều, thời gian thực hiện thủ tục đầu tư còn kéo dài; công tác kiểm tra, giám sát đầu tư chưa thường xuyên; nhiều nhà đầu tư năng lực kém; nhiều dự án chậm tiến độ, kéo dài thời gian đưa đất vào sử dụng, lãng phí tài nguyên[[44]](#footnote-44). Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) thứ hạng thấp.

***1.9. Phát triển doanh nghiệp và các thành phần kinh tế***

Tiếp tục tạo điều kiện, môi trường cạnh tranh bình đẳng để các thành phần kinh tế phát triển nhanh, trở thành động lực phát triển của nền kinh tế. Thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp được đơn giản hóa; thực hiện quyết liệt việc hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp[[45]](#footnote-45); khuyến khích đa dạng các loại hình doanh nghiệp, loại hình, lĩnh vực hoạt động. Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh phát triển cả về số lượng lẫn chất lượng[[46]](#footnote-46). Đẩy mạnh chỉ đạo công tác cơ cấu lại, sắp xếp, đổi mới, cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo đúng kế hoạch. Kinh tế tập thể tiếp tục được củng cố, tổ chức lại theo luật HTX, thích nghi dần với cơ chế mới, kinh doanh hiệu quả[[47]](#footnote-47). Kinh tế tư nhân có cải thiện rõ nét, góp phần giải phóng năng lực sản xuất, thúc đẩy phân công lao động xã hội, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, tạo nhiều việc làm, tăng thu nhập cho người dân.

*Tuy vậy,* quy mô doanh nghiệp còn nhỏ; năng lực, khả năng cạnh tranh, hiệu quả sản xuất kinh doanh chưa cao; việc thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp thực hiện chậm, tình hình hoạt động của doanh nghiệp sau cổ phần hóa gặp nhiều khó khăn; nguồn lực hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp còn hạn chế; số doanh nghiệp thành lập chậm so kế hoạch đề ra[[48]](#footnote-48); kinh tế hợp tác xã phát triển chưa mạnh, chưa phát huy được vai trò, vị trí.

***1.10. Tài nguyên môi trường***

Quản lý, khai thác, sử dụng nguồn tài nguyên ngày càng chặt chẽ, hiệu quả hơn, công tác quản lý, bảo vệ môi trường được chú trọng, tăng cường. Công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất ngày càng được quan tâm, đáp ứng tốt hơn yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, thu hút đầu tư của tỉnh; việc giao đất, cho thuê đất được triển khai thực hiện kịp thời hiệu quả, đúng quy định của pháp luật[[49]](#footnote-49); thực hiện đo đạc, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nhiều chuyển biến tích cực[[50]](#footnote-50), là một trong những địa phương đi đầu toàn quốc trong cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Công tác rà soát, kiểm tra và thu hồi đất của các công trình, dự án chậm tiến độ, vi phạm pháp luật về đất đai thường xuyên được triển khai thực hiện. Tiếp tục từng bước xây dựng cơ sở dữ liệu về đất đai; tháo gỡ những vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng tạo điều kiện cho các dự án đẩy nhanh tiến độ, đặc biệt là các dự án trọng điểm của tỉnh. Công tác phát triển quỹ đất thực hiện có hiệu quả, giải quyết tốt nhu cầu đất ở cho nhân dân và huy động nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội.

Công tác quản lý tài nguyên khoáng sản đi vào ổn định, nề nếp, chặt chẽ; việc sử dụng tài nguyên tiết kiệm và hiệu quả hơn; đã thực hiện tốt việc điều chỉnh, bổ sung quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến năm 2025[[51]](#footnote-51) góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, cấp phép hoạt động khoáng sản theo quy hoạch.

Công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh đã có nhiều chuyển biến tích cực, rõ nét; chất lượng thẩm định, đánh giá tác động môi trường thường xuyên được quan tâm nâng cao; hoạt động kiểm soát ô nhiễm, quản lý chất thải, thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp, quản lý ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường sau khai thác khoáng sản được tăng cường đẩy mạnh, thực hiện nghiêm túc đảm bảo hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước. Các điểm nóng về ô nhiễm môi trường cơ bản đã được kiểm soát, xử lý[[52]](#footnote-52). Tỷ lệ thu gom rác thải trên địa bàn toàn tỉnh đạt khoảng 77,5% (năm 2015 đạt 64,3%); tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được xử lý, chôn lấp hợp vệ sinh 100% (đạt Kế hoạch đề ra). Việc thực hiện đánh giá tác động môi trường của các dự án đã được chú trọng. Công tác cải tạo phục hồi môi trường có nhiều tiến bộ[[53]](#footnote-53). Việc nâng cao nhận thức và huy động nguồn lực đầu tư nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu và quản lý rủi ro thiên tai được quan tâm thực hiện. Đã triển khai quản lý tốt tài nguyên nước lưu vực sông; bảo đảm an toàn hồ chứa; an ninh nguồn nước phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt.

Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh của cử tri, người dân và báo chí và công tác tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật về tài nguyên và môi trường đã được quan tâm thực hiện tốt với nhiều hình thức đa dạng, phong phú, tiếp tục từng bước đưa pháp luật về tài nguyên và môi trường đi vào đời sống, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

*Tuy vậy,* tình trạng vi phạm pháp luật về đất đai, khai thác lâm sản trái phép còn xảy ra; công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhất là cấp giấy chứng nhận lần đầu mặc dù có nhiều chuyển biến nhưng vẫn còn một số trường hợp chưa được cấp Giấy chứng nhận; thị trường bất động sản một số thời điểm có dấu hiệu “sốt, nóng”; giải phóng mặt bằng một số công trình, dự án gặp nhiều vướng mắc. Quản lý tài nguyên thiên nhiên chưa đảm bảo yêu cầu, một số loại tài nguyên khai thác, sử dụng, bảo vệ chưa hiệu quả. Quản lý chất thải còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế phát sinh[[54]](#footnote-54).Tình trạng ô nhiễm môi trường cục bộ tại một số nơi vẫn xảy ra. Khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai chưa cao; ứng phó còn bị động, thiếu đồng bộ...

**2. Về Văn hóa – Xã hội**

***2.1. Giáo dục - đào tạo và phát triển nguồn nhân lực***

Sự nghiệp giáo dục - đào tạo phát triển khá toàn diện trên các mặt, từ quy mô, chất lượng đến điều kiện dạy và học. Thực hiện tốt tinh thần đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT, gắn với phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao[[55]](#footnote-55). Triển khai nhiều mô hình dạy học mới trong các cấp học; Tiếp tục sắp xếp, bố trí lại quy mô, mạng lưới trường, lớp học; cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục, đào tạo được quan tâm đầu tư xây dựng, từng bước hiện đại hóa. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đạt chuẩn và trên chuẩn ngày càng tăng; đã quan tâm công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập và xã hội hóa giáo dục. Các cơ sở giáo dục đã chủ động tổ chức các hình thức học tập đa dạng, phù hợp, có sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường - gia đình - xã hội nhằm hình thành nhân cách, lối sống lành mạnh và nâng cao năng lực hoạt động xã hội cho người học. Đến năm 2020, có 100% xã, phường, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học và giáo dục THCS (mức độ III); có 30,6% trường mầm non, 54,6% trường tiểu học, 16,7% trường tiểu học và trung học cơ sở, 46,7% trường trung học cơ sở và 21,9% trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia.

Công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực có chuyển biến tích cực, phù hợp với nhu cầu phát triển, chất lượng nguồn nhân lực được nâng lên, cơ bản đáp ứng nhu cầu phát triển.

*Tuy vậy*, mạng lưới trường lớp vẫn chưa thật hợp lý; công tác giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng cho học sinh trong giáo dục phổ thông chưa hiệu quả; việc đầu tư tăng trưởng cơ sở vật chất chưa đáp ứng nhu cầu, trang thiết bị phục vụ dạy và học còn thiếu. Tỷ lệ trường THCS và THPT đạt chuẩn quốc gia chưa đạt chỉ tiêu đặt ra[[56]](#footnote-56). Chất lượng nguồn nhân lực nhìn chung còn thấp; lực lượng lao động kỹ thuật có tay nghề cao còn ít.

***2.2. Khoa học và công nghệ***

Hoạt động khoa học và công nghệ được chú trọng và đã có nhiều đóng góp quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Năng lực và tiềm lực khoa học và công nghệ không ngừng được nâng lên, hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ có chuyển biến rõ rệt. Công tác chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, cuộc sống được tăng cường. Kết quả nghiên cứu khoa học đã góp phần quan trọng trong việc cung cấp luận cứ cho việc hoạch định các chủ trương, chính sách, quy hoạch, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; quy hoạch khai thác, sử dụng hợp lý và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường; chăm sóc sức khoẻ nhân dân; bảo tồn bản sắc và các giá trị lịch sử, văn hóa và truyền thống của dân tộc; góp phần tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất kinh doanh, phục vụ tốt sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Công tác thống kê, thông tin, truyền thông, phổ biến và ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ, công tác quản lý công nghệ, sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ và hạt nhân đổi mới sáng tạo và được chú trọng thực hiện theo đúng quy định. Quản lý tiêu chuẩn đo lường chất lượng có nhiều tiến bộ, góp phần đảm bảo đo lường và nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hóa, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

*Tuy vậy,* KH&CN vẫn còn một số mặt hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu là nền tảng và động lực phát triển kinh tế - xã hội, như: Tiềm lực KH&CN chưa đáp ứng yêu cầu, năng lực KH&CN còn hạn chế; đầu tư của xã hội cho KH&CN còn rất thấp, đặc biệt là đầu tư từ khu vực doanh nghiệp; chất lượng một số đề tài nghiên cứu khoa học và khả năng ứng dụng vào thực tiễn chưa cao; cơ chế tài chính và cơ chế quản lý các tổ chức KH&CN chưa phù hợp với đặc thù của lao động sáng tạo; việc nghiên cứu đề xuất đặt hàng chưa sâu sát thị trường, đặc biệt là việc nghiên cứu những vấn đề có tính đột phá để khai thác tiềm năng, thế mạnh phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh nhà...

***2.3. Y tế và công tác bảo vệ, chăm sóc sức khoẻ***

Công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân tiếp tục được quan tâm và triển khai có hiệu quả; thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh; hoạt động khám chữa bệnh có nhiều tiến bộ, chất lượng khám chữa bệnh được nâng cao đều ở các tuyến. Cơ cấu nhân lực y tế được quan tâm bổ sung đáp ứng yêu cầu chuyên môn ngày càng cao; tinh thần thái độ phục vụ của đội ngũ cán bộ nhân viên ngành y tế đổi mới tích cực. Hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế tại các cơ sở khám chữa bệnh được đầu tư nâng cấp, phù hợp với việc triển khai phương pháp mới, kỹ thuật mới. Tiếp tục sắp xếp, củng cố, phát triển và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở[[57]](#footnote-57). Công tác bảo vệ sức khỏe cán bộ, chăm sóc sức khỏe cho người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi, người cao tuổi, người tàn tật ngày càng được quan tâm…Thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu y tế - dân số. Công tác đảm bảo VSATTP được chú trọng, rộng khắp các tuyến. Hệ thống kiểm nghiệm dược phẩm - mỹ phẩm - thực phẩm được hoàn thiện và hoạt động có hiệu quả. Hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe ngày càng phong phú, duy trì công tác DSKHHGĐ, chăm sóc sức khỏe sinh sản. Xã hội hóa trong lĩnh vực y tế được quan tâm. Hoạt động thanh tra, kiểm tra hành nghề y, dược tư nhân ngày càng được chú trọng. Thực hiện tốt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã. Từng bước áp dụng công nghệ thông tin trong điều hành, quản lý khám chữa bệnh giảm bớt thủ tục hành chính, tăng sự hài lòng cho người bệnh. Các chỉ tiêu về y tế cơ bản đạt và vượt kế hoạch đề ra[[58]](#footnote-58).

*Tuy nhiên*, chất lượng chuyên môn trong công tác khám chữa bệnh, nhất là tuyến cơ sở còn hạn chế so với yêu cầu; trình độ chuyên môn chưa đồng đều ở các tuyến. Một số nơi tinh thần thái độ phục vụ của cán bộ y tế còn bộc lộ những hạn chế nhất định. Cơ sở vật chất, trang thiết bị nhìn chung còn thiếu so với nhu cầu, vẫn còn xảy ra tình trạng quá tải bệnh viện. Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ dưới 5 tuổi còn cao[[59]](#footnote-59). Công tác giám sát, xử lý dịch bệnh còn bất cập. Lộ trình tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp y tế còn có nhiều khó khăn trong quá trình thực hiện.

***2.4. Văn hoá, thể thao***

 Hoạt động văn hóa, gia đình và thể thao đã có những chuyến biến mạnh mẽ cả về quy mô lẫn chiều sâu; tổ chức nhiều hoạt động văn hóa phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội của địa phương và chào mừng các ngày lễ lớn của quê hương, đất nước có chất lượng, để lại ấn tượng sâu sắc, đáp ứng yêu cầu thưởng thức văn hóa tinh thần và xây dựng con người Quảng Bình phát triển toàn diện trong thời kỳ mới. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” đạt kết quả tích cực, từng bước hình thành các nề nếp, các giá trị văn hóa trong gia đình, cộng đồng, cơ quan, doanh nghiệp...[[60]](#footnote-60) Đời sống văn hóa cơ sở tiếp tục được nâng lên, các hoạt động đưa văn hóa về cơ sở, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn... được đẩy mạnh. Hoạt động văn hóa, văn nghệ quần chúng tăng về quy mô, chất lượng và phát triển đều khắp các địa phương. Đã có những giải pháp phù hợp nhằm giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển với bảo tồn di sản văn hóa. Đến nay, toàn tỉnh đã có 130 di tích lịch sử, văn hóa được xếp hạng[[61]](#footnote-61). Đã tổ chức thành công một số lễ hội, chương trình nghệ thuật đặc sắc mang nét đặc trưng riêng của Quảng Bình[[62]](#footnote-62). Đặc biệt, đã xây dựng và khánh thành Tượng đài “Chủ tịch Hồ Chí Minh với Nhân dân Quảng Bình” - công trình có ý nghĩa lịch sử, chính trị, văn hóa đặc biệt quan trọng đối với Đảng bộ, quân và dân tỉnh nhà. Thể dục thể thao Quảng Bình có bước phát triển vượt bậc; tiếp tục đổi mới, mở rộng các bộ môn thi đấu, xây dựng phong trào thể thao ở cơ sở[[63]](#footnote-63). Thi đấu thể thao thành tích cao có nhiều thành tích bứt phá vượt bậc, vận động viên Quảng Bình liên tục đoạt các giải cao tại đấu trường Châu Á, khu vực, trong nước và vinh dự đại diện cho thể thao nước nhà tham dự Olympic thế giới, đã đưa thể thao Quảng Bình vươn tầm khu vực và thế giới.

 *Tuy nhiên,* một số mặt hoạt động văn hóa, thể thao còn gặp nhiều khó khăn, chưa đáp ứng nhu cầu hưởng thụ của nhân dân; còn có sự chênh lệch về mức hưởng thụ văn hóa giữa các vùng miền. Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao từ tỉnh đến cơ sở; cơ sở vật chất, phương tiện, trang thiết bị phục vụ hoạt động còn thiếu và xuống cấp[[64]](#footnote-64); phối hợp liên ngành trong phòng, chống bạo lực gia đình có lúc vẫn chưa thường xuyên; công tác đào tạo vận động viên của một số môn còn thiếu tính kế cận giữa các lứa tuổi; đầu tư cho văn hóa, thể thao còn hạn chế.

 ***2.5.******Thông tin và truyền thông***

Công tác quản lý nhà nước về báo chí, xuất bản, thông tin điện tử được đẩy mạnh, kịp thời đưa chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến với nhân dân, tạo sự đồng thuận của xã hội; đồng thời quảng bá hình ảnh Quảng Bình, góp phần xúc tiến đầu tư, du lịch; tập trung ngăn ngừa, xử lý kịp thời các thông tin xấu độc, sai sự thật, đặc biệt trên môi trường mạng. Ứng dụng công nghệ thông tin được đẩy mạnh, từng bước xây dựng chính quyền điện tử Quảng Bình; triển khai hiệu quả hệ thống gửi nhận văn bản điện tử có ký số thay cho văn bản giấy, kết nối liên thông với trục quốc gia, rút ngắn thời gian gửi nhận văn bản, góp phần nâng cao hiệu quả chỉ đạo điều hành của chính quyền các cấp, hệ thống một cửa điện tử và dịch vụ công của tỉnh được triển khai đồng bộ, góp phần thúc đẩy cải cách thủ tục hành chính, phục vụ tốt người dân và doanh nghiệp. Hạ tầng bưu chính, viễn thông, phát thanh, truyền hình phát triển mạnh, hiện đại, đồng bộ từ thành thị đến nông thôn, vùng sâu, vùng xa[[65]](#footnote-65); sóng di động 3G, 4G, Internet tốc độ cao, truyền hình số đã cơ bản phủ rộng khắp các địa bàn của tỉnh; kênh truyền hình Quảng Bình và nhiều kênh chính trị thiết yếu đã được phát trên vệ tinh đáp ứng nhu cầu của toàn bộ người dân; tạo thành xa lộ thông tin, giảm bớt khoảng cách thụ hưởng thông tin giữa các vùng miền.

*Tuy vậy*, tin nhắn, thông tin xấu độc trên mạng vẫn chưa được kiểm soát chặt chẽ; việc xây dựng Chính quyền điện tử còn chậm, nhiều hệ thống, cơ sở dữ liệu chưa được xây dựng do thiếu nguồn lực; một số cơ quan, đơn vị chưa chú trọng việc ứng dụng CNTT. Xếp hạng chỉ số ứng dụng CNTT trong cải cách hành chính của tỉnh còn thấp. Sóng di động và Internet tốc độ cao chưa được phủ sóng đến 02 xã và một số vùng của tỉnh. Hạ tầng viễn thông vẫn chưa được chuyển đổi, chỉnh trang theo yêu cầu, chưa đảm bảo an toàn và mỹ quan đô thị.

***2.6. Lao động, thương binh và xã hội***

Triển khai quyết liệt Chương trình giảm nghèo bền vững và giải quyết việc làm giai đoạn 2016 - 2020 của Ban Thương vụ Tỉnh ủy; các cấp, các ngành, các địa phương đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, ưu tiên các nguồn lực cho cho công tác giảm nghèo, đời sống của người nghèo và hạ tầng các vùng khó khăn được cải thiện rõ rệt. Giai đoạn 2016 - 2020, tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh bình quân giảm 2,1%/năm; tỷ lệ hộ nghèo các xã đặc biệt khó khăn giảm 6,84%/năm; hộ nghèo dân tộc thiểu số giảm 5,39%/năm. Thực hiện đồng bộ các giải pháp giải quyết việc làm, tăng cường đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài có thời hạn[[66]](#footnote-66), hệ thống thông tin thị trường lao động từng bước được hoàn thiện, nguồn vốn cho vay giải quyết việc làm được quan tâm triển khai.

Công tác đào tào nghề được quan tâm đẩy mạnh, nhất là đào tạo nghề nông thôn, đến năm 2020, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 65% (tăng 5% so với đầu nhiệm kỳ), trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 50% (tăng 12,5% so với đầu nhiệm kỳ). Các trung tâm giáo dục - dạy nghề tích cực đổi mới phương pháp đào tạo, dạy nghề; mạng lưới các trường, trung tâm dạy nghề, dịch vụ việc làm tiếp tục được sắp xếp phù hợp, đáp ứng tốt nhu cầu của người học và thị trường lao động

Công tác chăm lo cho các gia đình chính sách, có công cách mạng tiếp tục được quan tâm, thực hiện tốt phong trào đền ơn đáp nghĩa[[67]](#footnote-67), chính sách hỗ trợ xây dựng nhà ở cho người có công[[68]](#footnote-68), ưu đãi trong giáo dục đào tạo cho học sinh, sinh viên con của đối tượng người có công; hoàn thành công trình Đền thờ Bác Hồ và các Anh hùng Liệt sỹ; công tác tu sửa, nâng cấp, các công trình nhà bia, nghĩa trang liệt sỹ, mộ liệt sỹ được thực hiện thường xuyên, đảm bảo trang nghiêm và sạch đẹp. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách trợ giúp xã hội cho các đối tượng yếu thế, góp phần giảm bớt khó khăn trong cuộc sống[[69]](#footnote-69). Tiếp tục triển khai có kết quả các hoạt động bảo vệ và chăm sóc trẻ em, công tác bình đẳng giới, công tác phòng chống tệ nạn xã hội.

*Tuy vậy*, đời sống của một bộ phận nhân dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa còn khó khăn, khả năng tự tổ chức sản xuất còn hạn chế, giảm nghèo thiếu vững chắc; công tác xây dựng chiến lược đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, có tay nghề đáp ứng thị trường lao động còn nhiều hạn chế, chuyển dịch cơ cấu lao động còn chậm, lực lượng lao động có tay nghề cao còn thiếu, tiếp cận thông tin của người lao động về các chính sách giải quyết việc làm còn nhiều hạn chế. Một số quy định, hướng dẫn thực hiện các chính sách xã hội còn chưa thống nhất; việc khai man hồ sơ trục lợi chính sách vẫn còn xảy ra. Tình trạng bạo lực gia đình đối với phụ nữ, trẻ em chưa được xử lý triệt để.

* 1. ***Thực hiện công tác dân tộc, tôn giáo***

Công tác dân tộc, chính sách dân tộc tiếp tục được triển khai có hiệu quả. Các chương trình, chính sách đầu tư cho vùng miền núi, đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn tiếp tục được triển khai đã phát huy tác dụng, hiệu quả, góp phần giải quyết cơ bản những khó khăn, bức xúc nhất trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng đặc biệt khó khăn, như: Chương trình 135, Chính sách đặc thù phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và niền núi giai đoạn 2017-2020, Chính sách phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc thiểu số rất ít người giai đoạn 2016-2025, các chính sách liên quan đến lĩnh vực lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hóa và các chính sách an sinh xã hội khác... đã góp phần xóa đói, giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân vùng đặc biệt khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số. Bộ mặt nông thôn vùng dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh có nhiều khởi sắc.

Công tác quản lý nhà nước về tôn giáo được chú trọng[[70]](#footnote-70). Hoạt động tôn giáo trên địa bàn tỉnh cơ bản ổn định. Tổ chức sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo cơ bản đúng quy định. Phần lớn các chức sắc, chức việc, giáo dân, tín đồ phật tử tuân thủ quy định của Nhà nước, tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh trật tự ở địa phương.

*Tuy vậy*, sản xuất ở một số địa bàn đồng bào dân tộc vẫn chậm phát triển, còn có tư tưởng trông chờ, ỷ lại; tỷ lệ hộ nghèo cao và nguy cơ tái nghèo trong đồng bào dân tộc còn lớn; giảm nghèo chưa bền vững. Công tác quản lý nhà nước về tôn giáo một số nơi hoạt động chưa thật sự hiệu quả; một số linh mục, giáo dân chưa chấp hành theo đúng pháp luật.

**3. Về xây dựng chính quyền, cải cách hành chính, cải cách tư pháp, phòng chống tham nhũng, lãng phí**

***3.1. Công tác tổ chức bộ máy, cán bộ, xây dựng chính quyền, cải cách hành chính***

Tiếp tục nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý, chỉ đạo, điều hành của chính quyền các cấp; các cơ quan chuyên môn đã thường xuyên bám sát, nắm chắc tình hình cơ sở, phát hiện kịp thời các vụ việc phát sinh để giải quyết theo quy định của pháp luật; làm tốt công tác tham mưu cho UBND cùng cấp. Quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong sạch, có năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao. Xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu và năng lực thực thi công vụ của cán bộ, công chức; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, xử lý nghiêm những cán bộ, công chức có hành vi gây phiền hà, nhũng nhiễu, thiếu trách nhiệm. Phát huy vai trò làm chủ của nhân dân tham gia quản lý và xây dựng chính quyền.

Triển khai thực hiện tốt việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy và quản lý biên chế. Giai đoạn 2015-2020, UBND tỉnh đã thực hiện sắp xếp giảm 46 phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và giảm 03 chi cục; giảm 82/751 đơn vị sự nghiệp công lập trong toàn tỉnh; kiện toàn, thành lập một số đơn vị cấp tỉnh theo đúng quy định[[71]](#footnote-71). Việc triển khai tinh giản biên chế theo tinh thần Nghị quyết Trung ương thực hiện theo đúng lộ trình[[72]](#footnote-72). Thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giảm 07 xã và 01 phường trong toàn tỉnh, nâng cấp xã Sơn Trạch thành thị trấn Phong Nha.

Kịp thời kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan Đảng và hệ thống chính trị. Thực hiện công tác lấy phiếu tín nhiệm theo quy định. Công tác quy hoạch, rà soát bổ sung quy hoạch cán bộ tiếp tục được quan tâm. Công tác cán bộ được thực hiện kịp thời, đúng quy định, gắn điều động, luân chuyển với sắp xếp, bố trí cán bộ và chuẩn bị nhân sự Đại hội Đảng các cấp. Trong nhiệm kỳ, đội ngũ lãnh đạo có nhiều thay đổi nhưng đã được củng cố, kiện toàn cấp ủy các và lãnh đạo các cơ quan, đơn vị.

Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020 được thực hiện hiệu quả, xây dựng nền hành chính dân chủ, hiện đại, chuyên nghiệp, năng động, phục vụ nhân dân, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả; cắt giảm những thủ tục hành chính gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp. Cải thiện vị trí xếp hạng PAR Index (chỉ số cải cách hành chính), SIPAS (chỉ số hành lòng về phục vụ hành chính) [[73]](#footnote-73), giữ vững vị trí xếp hạng PAPI[[74]](#footnote-74) (chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công) của tỉnh. Trung tâm Hành chính công của tỉnh được thành lập và đi vào hoạt động có hiệu quả. Tổ chức tốt hoạt động của các bộ phận một cửa, một cửa liên thông ở các địa phương, cơ quan, đơn vị[[75]](#footnote-75). Hạ tầng Công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước tại tỉnh cơ bản đáp ứng được yêu cầu sử dụng của cán bộ, công chức, viên chức.

Phong trào thi đua yêu nước tiếp tục được đẩy mạnh, kịp thời biểu dương, nhân rộng các điển hình tiên tiến; tổ chức các phong trào thi đua thiết thực, hiệu quả, tránh hình thức, lãng phí.

***Tuy vậy,* quản lý, điều hành của UBND các cấp, nhất là cấp cơ sở còn thiếu nhanh nhạy; m**ột số chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan vẫn còn tình trạng chồng chéo, chưa phân định cụ thể. **Công tác cải cách hành chính, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên một số mặt còn hạn chế; thủ tục hành chính một số lĩnh vực còn kéo dài; ứng dụng CNTT trong hoạt động quản lý hành chính nhà nước chưa đồng bộ. Kỷ luật, kỷ cương trong thực thi công cụ của một số cán bộ, công chức còn hạn chế. Công tác hiện đại hóa nền hành chính còn chậm, ứng dụng công nghệ thông tin chưa thực sự gắn kết với cải cách hành chính.**

***3.2. Công tác thanh tra, tư pháp, phòng chống tham nhũng***

Công tác thanh tra tiếp tục được đẩy mạnh, thực hiện theo đúng kế hoạch và triển khai nhiều cuộc thanh tra đột xuất, theo chuyên đề, đã tập trung thanh tra các lĩnh vực quan trọng, dễ phát sinh vi phạm, tiêu cực, tham nhũng, các trường hợp dư luận có nhiều ý kiến bức xúc[[76]](#footnote-76), góp phần phục vụ tốt công tác quản lý nhà nước, quản lý xã hội trên địa bàn. Công tác tiếp công dân, tiếp nhận và giải quyết khiếu nại, tố cáo có nhiều chuyển biến tích cực, các cấp, các ngành đã tập trung giải quyết cơ bản các vụ việc tồn đọng, phức tạp, kéo dài, hạn chế đơn thư khiếu kiện vượt cấp và phát sinh thành “điểm nóng” đã phát huy trách nhiệm của người đứng đầu trong thực hiện tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước, tập thể, công dân[[77]](#footnote-77), đồng thời xử lý các tập thể, cá nhân sai phạm theo quy định của pháp luật.

Thường xuyên thẩm định, kiểm tra, rà soát hệ thống văn bản QPPL của
địa phương đảm bảo hợp hiến, hợp pháp, thống nhất, đồng bộ, đảm bảo tính khả
thi trong thực tiễn áp dụng. Hoạt động theo dõi thi hành pháp luật đã được tiến
hành thường xuyên, liên tục và toàn diện. Công tác quản lý thi hành pháp luật về
xử lý vi phạm hành chính đã được triển khai thực hiện có nề nếp. Đã có sự đổi
mới, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác phổ biến, giáo dục
pháp luật. Công tác đăng ký quản lý hộ tịch, lý lịch tư pháp tiếp tục được triển
khai kịp thời, đúng trình tự, thủ tục. Hoạt động của luật sư và các tổ chức bổ trợ tư pháp đã được đẩy mạnh; phát huy vai trò giám sát của nhân dân đối với hoạt động tư pháp.

Đẩy mạnh lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ, giải pháp phòng chống tham nhũng, lãng phí theo đúng chủ trương của Đảng, nhà nước; tập trung vào các biện pháp phòng ngừa, bảo đảm tính công khai, minh bạch; xử lý nghiêm minh, kịp thời các cá nhân sai phạm, củng cố thêm niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân, tiếp tục khẳng định quan điểm “không có vùng cấm, không có ngoại lệ, bất kể người đó là ai” trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng.

*Tuy vậy*, chỉ đạo, điều hành công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo một số nơi chưa quyết liệt, vẫn còn một số vụ việc về đất đai chưa được giải quyết dứt điểm. Điều kiện, nguồn lực để triển khai PBGDPL còn thiếu; hình thức triển khai chưa thực sự hấp dẫn. Chưa thu hút được cá nhân, tổ chức thành lập các tổ chức bổ trợ tư pháp tại địa bàn kinh tế khó khăn, vùng sâu, vùng xa. Nhận thức, trách nhiệm và quyết tâm của người đứng đầu trong công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí ở một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa cao; chưa thật chủ động trong việc nắm tình hình, phát hiện hành vi tham nhũng trong nội bộ cơ quan, đơn vị do mình quản lý, phụ trách.

**4. Quốc phòng, an ninh**

Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, Chiến lược quốc phòng, Chiến lược quân sự, Chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia, Chiến lược bảo vệ biên giới quốc gia, Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng được quán triệt, triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả; bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, biên phòng toàn dân ngày càng vững chắc. Các tiềm lực trong khu vực phòng thủ từng bước được đầu tư, xây dựng theo hướng cơ bản, liên hoàn, vững chắc, đã kết hợp có hiệu quả giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm Quốc phòng an ninh. Công tác bảo vệ chủ quyền biển, đảo được thực hiện nghiêm túc. Các cấp đã xây dựng hệ thống kế hoạch và tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh, các huyện, xã trong nhiệm kỳ bảo đảm an toàn, chất lượng[[78]](#footnote-78). Thực hiện có hiệu quả Luật Dân quân tự vệ, xây dựng lực lượng DQTV đạt tỷ lệ 1,9% dân số theo quy định. Hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển quân và thực hiện tốt công tác tuyển sinh quân sự. Triển khai đồng bộ Luật Giáo dục QP, AN; thường xuyên giáo dục, bồi dưỡng kiến thức QP - AN cho các đối tượng đúng yêu cầu[[79]](#footnote-79). Lực lượng công an, quân sự, biên phòng tiếp tục được xây dựng vững mạnh theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ và từng bước hiện đại; lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên, công an xã[[80]](#footnote-80), bảo vệ dân phố ngày càng được củng cố, duy trì thường xuyên công tác huấn luyện, bảo đảm thường trực, cơ động, sẵn sàng chiến đấu trong mọi tình huống. Công tác phối hợp trong hoạt động ứng phó với các thách thức an ninh truyền thống, phi truyền thống, nhất là phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, dịch bệnh, sự cố môi trường,... được triển khai có hiệu quả.

Thực hiện có hiệu quả chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm khu vực biên giới, triển khai nhiều kế hoạch, biện pháp đấu tranh với các loại tội phạm nguy hiểm, xuyên quốc gia, quốc tế, nhiều tỉnh, thành phố trong nước. Thường xuyên nắm chắc tình hình, chủ động đấu tranh làm thất bại âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch, hoạt động của các đối tượng phản động, chống đối chính trị, cực đoan trong tôn giáo…; xử lý kịp thời, có hiệu quả các tình huống gây mất ổn định và các vụ việc phức tạp liên quan an ninh, trật tự. Đã tập trung phát hiện và xử lý nhiều vụ án tham nhũng, kinh tế; triệt phá các ổ nhóm tội phạm hình sự, tệ nạn xã hội hoạt động phức tạp, tinh vi[[81]](#footnote-81). Tăng cường tuyên truyền, tuần tra kiểm soát, bảo đảm trật tự công cộng, trật tự an toàn giao thông, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm khi điều khiển phương tiện giao thông góp phần kiềm chế và làm giảm tai nạn giao thông 03 tiêu chí.

*Tuy nhiên,*công tác quy hoạch thế trận quân sự trong KVPT các huyện, thị xã, thành phố còn chậm; quản lý, bảo vệ biên giới tuyến đất liền còn gặp khó khăn; hoạt động của tội phạm hình sự, tệ nạn ma tuý vẫn còn phức tạp; công tác đấu tranh với một số loại đối tượng hoạt động theo phương thức mới, tội phạm sử dụng công nghệ cao còn khó khăn; hiệu quả đấu tranh với tội phạm tham nhũng, phòng ngừa tiêu cực, vi phạm pháp luật về môi trường chưa cao. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc phát triển chưa đồng đều.

**III. ĐÁNH GIÁ CHUNG, NGUYÊN NHÂN**

1. **Đánh giá chung**

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020, mặc dù còn gặp rất nhiều khó khăn, nhưng Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh ta đã nỗ lực phấn đấu đạt được những kết quả quan trọng.

Kinh tế tăng trưởng ổn định, thu ngân sách đạt kết quả tích cực trong điều kiện có nhiều khó khăn. Triển khai thực hiện tái cơ cấu các ngành kinh tế đạt kết quả bước đầu theo hướng chất lượng, hiệu quả và cơ cấu lại đầu tư công theo hướng tập trung ngân sách nhà nước đầu tư các công trình, dự án hạ tầng quan trọng, tạo động lực để phát triển; đẩy mạnh xã hội hóa, huy động nguồn lực ngoài ngân sách. Môi trường đầu tư từng bước được cải thiện và tăng niềm tin đối với các nhà đầu tư. Lĩnh vực tài nguyên, môi trường, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế; quản lý đô thị, xây dựng nông thôn mới và an sinh xã hội có nhiều chuyển biến tích cực. Chính trị, xã hội ổn định; quốc phòng, an ninh, trật tự và an toàn xã hội được bảo đảm. Cải cách hành chính, cải cách tư pháp có nhiều tiến bộ. Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền các cấp được nâng lên; dân chủ xã hội chủ nghĩa và khối đại đoàn kết toàn dân tiếp tục được phát huy; vai trò tích cực của Mặt trận, đoàn thể tiếp tục được khẳng định.

Tuy nhiên, công tác dự báo tình hình chưa sát, cùng với việc gặp rất nhiều khó khăn ngoài dự kiến nên việc xây dựng, thực hiện một số chỉ tiêu chưa đạt kế hoạch đề ra, đó là: Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh; GRDP bình quân đầu người; thu ngân sách trên địa bàn. Năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế chưa cao. Chất lượng nguồn nhân lực, năng suất lao động chưa đáp ứng yêu cầu. Sản xuất, kinh doanh gặp nhiều khó khăn. Nguồn lực huy động chưa đáp ứng yêu cầu phát triển; kết cấu hạ tầng ở một số khu vực còn thiếu đồng bộ. Đời sống người dân một số vùng còn khó khăn, nhất là tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi còn cao. Một số hạn chế trên lĩnh vực giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ, y tế, văn hóa, xã hội, quản lý tài nguyên, môi trường chậm được khắc phục. Một số mặt của công tác xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, cải cách hành chính, cải cách tư pháp còn hạn chế. Kỷ cương pháp luật có nơi, có lúc chưa nghiêm; tội phạm và tệ nạn xã hội có thời điểm còn diễn biến phức tạp.

**2. Nguyên nhân**

Đạt được những kết quả quan trọng trong nhiệm kỳ qua chính là nhờ sự lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành quyết liệt, năng động sáng tạo của cấp ủy, chính quyền, các cấp, các ban ngành, Mặt trận, đoàn thể và cả hệ thống chính trị; sự đoàn kết, thống nhất và nỗ lực quyết tâm cao của toàn Đảng bộ, quân và dân trong tỉnh; phát huy được sức mạnh toàn dân và sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, giúp đỡ sâu sát, kịp thời, hiệu quả của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ và các bộ, ban, ngành Trung ương.

Hạn chế nêu trên có nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, trong đó một số chỉ tiêu đạt thấp là do dự báo tình hình của chúng ta có mặt chưa sát, nhiều vấn đề khó dự báo được, có những tác động phát sinh đột xuất như ảnh hưởng của sự cố môi trường biển, biến đổi khí hậu diễn ra nhanh hơn, dịch bệnh diễn biến phức tạp và gây thiệt hại nặng nề. Mặt khác, quy mô nền kinh tế của tỉnh còn nhỏ, chất lượng tăng trưởng và khả năng cạnh tranh còn hạn chế; chưa hình thành được vùng kinh tế động lực, chưa có nhiều dự án sản xuất, kinh doanh quy mô lớn; đầu tư công trung hạn bị cắt giảm mạnh, nhiều công trình, dự án bị giãn, hoãn tiến độ; tích lũy từ nội bộ nền kinh tế còn ở mức thấp;… nên chưa tạo được bước đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội. Thiên tai, bão lũ gây thiệt hại nặng nề, đặc biệt là sự cố môi trường biển năm 2016, trận bão lịch sử năm 2017, lũ lụt lịch sử năm 2020 và đại dịch Covid-19,… đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến kinh tế - xã hội của tỉnh, kéo theo giảm GRDP bình quân giai đoạn 2016 - 2020, đây là nguyên nhân chính tác động đến khuyết điểm, hạn chế trong thời gian qua.

Về chủ quan, sự lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành, khả năng cụ thể hóa, tổ chức thực hiện nghị quyết của một số ngành, địa phương còn thiếu nhạy bén, quyết tâm chưa cao. Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện 02 chương trình trọng điểm có nội dung chưa quyết liệt, đồng bộ. Tinh thần trách nhiệm, vai trò gương mẫu, ý thức tự khắc phục khó khăn để vươn lên trong một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa cao. Khả năng sáng tạo và các nguồn lực chưa được phát huy đúng mức.

**Phần thứ hai**

**MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CHỦ YẾU KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN**

**KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2021 - 2025**

**I. BỐI CẢNH**

**1. Những thuận lợi, cơ hội**

- Đất nước tiếp tục giữ vững ổn định về chính trị - xã hội; kinh tế duy trì tốc độ tăng trưởng khá cao trong nhiều năm. Việc tham gia sâu rộng vào các Tổ chức quốc tế, các hiệp định thương mại đa phương, song phương,... sẽ tạo ra nhiều cơ hội, mở ra thị trường rộng lớn cho kinh tế nước ta nói chung và Quảng Bình nói riêng.

- Cách mạng công nghiệp lần thứ tư diễn biến nhanh, tác động mạnh, đa chiều. Hệ thống pháp luật và các cơ chế, chính sách tiếp tục được hoàn chỉnh; các điểm nghẽn trong phát triển kinh tế, xã hội dần được khắc phục tạo điều kiện cho kinh tế trong nước nói chung, kinh tế - xã hội Quảng Bình nói riêng phát triển.

- Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh luôn đoàn kết, nhất trí; tình hình chính trị, xã hội ổn định. Định hướng phát triển được xác định khá rõ nét; cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực, gia tăng theo hướng giá trị, chất lượng; du lịch Quảng Bình có nhiều tiềm năng và đang phát triển trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, tạo lập được những nền tảng phát triển kinh tế-xã hội nhanh, bền vững.

- Tỉnh ta đã quyết liệt, sâu sát và đúc rút được nhiều kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành kinh tế - xã hội. Môi trường đầu tư kinh doanh tiếp tục được cải thiện; kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội ngày càng đồng bộ, hiện đại hơn là điều kiện thuận lợi để thu hút các nguồn lực từ xã hội; nhiều dự án lớn quan trọng được cấp giấy chứng nhận đầu tư đang được triển khai tích cực… sẽ tạo động lực mới cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

**2. Những khó khăn, thách thức**

- Tăng trưởng kinh tế thế giới và thương mại, đầu tư quốc tế có xu hướng giảm; chủ nghĩa dân túy, bảo hộ có xu hướng tăng lên. Kinh tế nước ta hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế thế giới làm tăng sức ép cạnh tranh đối với các doanh nghiệp, các sản phẩm trong tỉnh, trong nước.

- Tình hình quốc tế, khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp, nhất là tình hình biển Đông, đặt ra nhiều khó khăn, thách thức đối với nhiệm vụ bảo vệ độc lập chủ quyền, bảo đảm an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội. Thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu... ngày càng tác động tiêu cực, ảnh hưởng nặng nề.

- Quy mô nền kinh tế của tỉnh còn nhỏ, chất lượng tăng trưởng, nguồn nhân lực, năng suất lao động, năng lực cạnh tranh còn thấp. Tình hình phát triển một số lĩnh vực chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của tỉnh. Cơ cấu lại các ngành đòi hỏi nguồn lực lớn; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội chưa đáp ứng nhu cầu. Doanh nghiệp trong tỉnh chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hạn chế cả về vốn, công nghệ và năng lực quản trị.

**II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN**

**1. Mục tiêu tổng quát**

Đẩy mạnh thực hiện các đột phá chiến lược, chú trọng đổi mới sáng tạo, ứng dụng mạnh mẽ khoa học, công nghệ, huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế; coi trọng phát triển văn hóa - xã hội, bảo vệ môi trường và ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu; tiếp tục cải thiện đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của Nhân dân; nâng cao hiệu lực, hiệu quả điều hành của chính quyền; giữ vững ổn định chính trị, xã hội; bảo đảm quốc phòng - an ninh, bảo vệ vững chắc chủ quyền, biên giới, vùng biển, đảo của Tổ quốc; chủ động hội nhập quốc tế; phấn đấu đưa Quảng Bình trở thành tỉnh phát triển khá trong khu vực Bắc Trung Bộ.

**2. Các mục tiêu cụ thể**

*2.1 Về phát triển kinh tế*

- Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) bình quân hằng năm đạt 8-8,5%

- Đến năm 2025, cơ cấu tổng sản phẩm trên địa bàn:

+ Nông, lâm nghiệp và thủy sản : 17,5%,

+ Công nghiệp - xây dựng : 33,5%,

+ Dịch vụ : 49%;

- Đến năm 2025,

+ Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 9.000 tỷ đồng.

+ Tổng vốn đầu tư toàn xã hội (2021 - 2025) đạt 135.000 tỷ đồng;

+ GRDP bình quân đầu người đạt: 70 - 75 triệu đồng (tương đương 3.500 - 3.800 USD);

*2.2 Về phát triển xã hội*

- Tạo việc làm hàng năm cho 1,8 - 1,9 vạn lao động.

- Số hộ nghèo giảm bình quân 1.000 hộ/năm; đến năm 2025, toàn tỉnh giảm 1/2 số hộ nghèo so với cuối năm 2020 (tương đương giảm 5.000 hộ), theo chuẩn nghèo giai đoạn 2016-2020.

- Đến năm 2025,

+ 92,5% xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế;

+ 11 bác sỹ và 38 giường bệnh trên 01 vạn dân;

+ 92% dân số tham gia bảo hiểm y tế;

+ 70% trường mầm non, 100% trường tiểu học, 75% trường trung học cơ sở và trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia;

+ 70% lao động qua đào tạo, trong đó: Lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 30%;

+ 87% số xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới (112 xã), 30% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (39 xã), 10% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu (13 xã).

*2.3 Về môi trường*

Đến năm 2025,

- 98% dân cư thành thị được sử dụng nước sạch, 97% dân cư nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh;

- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đạt 85%;

- Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý đạt 100%.

**III. CÁC KHÂU ĐỘT PHÁ**

1. Phát triển du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn (Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 09/12/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, giai đoạn 2021-2025).
2. Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo hướng đồng bộ, từng bước hiện đại (Chương trình hành động số 02-CTr/TU ngày 09/12/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025 theo hướng đồng bộ, từng bước hiện đại).
3. Đẩy mạnh cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh (Chương trình hành động số 03-CTr/TU ngày 09/12/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh cải cách hành chính và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh giai đoạn 2021-2025).
4. Phát triển nguồn nhân lực và nâng cao chất lượng công tác cán bộ (Chương trình hành động số 04-CTr/TU ngày 09/12/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nguồn nhân lực và nâng cao chất lượng cán bộ, nhiệm kỳ 2020-2025).

**IV. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU**

**1. Phát triển kinh tế**

*Khai thác, phát huy có hiệu quả các tiềm năng, lợi thế;* *huy động mọi nguồn lực cho phát triển kinh tế nhanh và bền vững; tạo chuyển biến rõ nét về cơ cấu lại các ngành kinh tế; tiếp tục* *phát triển du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, công nghiệp là ngành kinh tế trọng điểm, nông nghiệp là bệ đỡ của nền kinh tế; xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng theo hướng đồng bộ, từng bước hiện đại*

* 1. ***Tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế***

Thực hiện có chất lượng Đề án tổng thể tái cơ cấu nền kinh tế và các đề án tái cơ cấu ngành, lĩnh vực gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng; nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế và trong nội bộ các ngành kinh tế theo hướng chất lượng, giá trị. Phát triển đầy đủ và đồng bộ thị trường các yếu tố sản xuất, nhất là thị trường sử dụng đất. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các biện pháp phòng, chống dịch, bảo vệ sức khỏe Nhân dân, phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội và giảm thiểu thiệt hại từ đại dịch Covid-19; tập trung khắc phục hậu quả của đợt mưa lũ lịch sử trong tháng 10/2020. Phấn đấu tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn bình quân đạt 8-8,5%/năm; cơ cấu kinh tế đến năm 2025, nông, lâm nghiệp và thủy sản 17,5%; công nghiệp - xây dựng 33,5% và dịch vụ 49%.

Khai thác, phát huy tốt các lợi thế so sánh của tỉnh, hình thành rõ nét các ngành chủ lực, mũi nhọn, nhất là các ngành du lịch, thủy sản, năng lượng tái tạo, chế biến các sản phẩm từ gỗ rừng trồng, vật liệu xây dựng,... Chú trọng đầu tư và khai thác có hiệu quả các vùng động lực. Xây dựng Khu Kinh tế Hòn La thành khu kinh tế tổng hợp, với trọng tâm phát triển công nghiệp điện, công nghiệp hỗ trợ, cảng trung chuyển hàng hóa; tiếp tục nâng cao hiệu quả hành lang kinh tế Đông - Tây nối Khu Kinh tế cửa khẩu Cha Lo ra cảng Hòn La, tạo thành cửa ngõ quan trọng thông ra biển Đông của Trung Lào, Đông Bắc Thái Lan và Tiểu vùng sông Mê Kông. Tiếp tục đầu tư phát triển 04 khu du lịch: Phong Nha - Kẻ Bàng; Vũng Chùa - Đảo Yến; Nhật Lệ - Bảo Ninh; nghỉ dưỡng suối Bang và du lịch tâm linh phía Nam của tỉnh. Tập trung phát triển Khu Du lịch Phong Nha - Kẻ Bàng thành một trung tâm du lịch đẳng cấp, điểm đến hàng đầu của du khách trong nước và quốc tế; hình thành các khu du lịch nghỉ dưỡng ven biển, các điểm du lịch văn hóa, tâm linh;… Tăng cường liên kết để phát huy thế mạnh và vai trò động lực của từng vùng, từng trung tâm kinh tế. Củng cố và xây dựng thêm các thương hiệu hàng hóa có năng lực cạnh tranh ở trong nước và quốc tế. Giải quyết hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với bảo đảm an sinh xã hội và bảo vệ môi trường.

Phát triển bền vững kinh tế biển, kiểm soát khai thác tài nguyên biển, gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền biển đảo. Trọng tâm là phát triển mạnh các ngành kinh tế biển, như: Du lịch, dịch vụ biển; công nghiệp ven biển; nuôi trồng, khai thác hải sản; hậu cần nghề cá; khai thác khoáng sản biển; năng lượng tái tạo; kinh tế hàng hải và các ngành kinh tế biển mới, gắn với hình thành văn hóa sinh thái biển; cải thiện sinh kế bền vững và nâng cao đời sống người dân vùng biển. Thu hút đầu tư hạ tầng vùng biển, ven biển.

Tiếp tục hợp tác, liên kết chặt chẽ với các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ, miền Trung và cả nước trong phát triển kinh tế nhằm tận dụng, phát huy lợi thế của các mối liên kết vùng, tiềm năng, thế mạnh của các địa phương; phát triển các chuỗi giá trị liên kết vùng, nhất là đối với những lĩnh vực, sản phẩm có thế mạnh, như: Du lịch, dịch vụ, kinh tế biển, lâm nghiệp,...

Tổ chức thực hiện tốt Quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành đồng bộ, thống nhất, dài hạn kinh tế - xã hội và thu hút đầu tư. Tập trung lập, tổ chức thực hiện và quản lý tốt các quy hoạch, nhất là quy hoạch đô thị, quy hoạch các ngành và lĩnh vực, quy hoạch nông thôn mới,... bảo đảm tính hiện đại, đồng bộ, tránh sự chồng chéo, phân tán trong quản lý, tổ chức thực hiện quy hoạch ở các cấp, các ngành, gắn với thu hút nguồn lực để thực hiện tốt quy hoạch.

***1.2. Nông, lâm nghiệp và thủy sản***

 Đẩy nhanh thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp, tập trung đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với phát triển nông nghiệp sạch, công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ và an toàn sinh học; phát triển sản phẩm nông nghiệp theo hướng bền vững thích ứng biến đổi khí hậu, nâng cao giá trị gia tăng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh; hình thành sản phẩm nông nghiệp chủ lực, đặc trưng. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với lợi thế từng vùng: Vùng rừng núi, đồi trung du, đồng bằng, cát ven biển. Hình thành, phát triển các cụm liên kết sản xuất nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ. Ưu tiên, khuyến khích các nguồn lực đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn… Phấn đấu tốc độ tăng trưởng ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng bình quân 3,5 - 4%/năm.

Thực hiện tốt công tác dồn điền, đổi thửa, tạo điều kiện hình thành các vùng sản xuất tập trung, cánh đồng lớn, đưa cơ giới vào sản xuất. Đầu tư thâm canh, đa dạng hóa sản phẩm để nâng cao giá trị trên đơn vị diện tích. Thực hiện chuyển đổi linh hoạt đất lúa kém hiệu quả và chuyển đổi vùng gò đồi sang các loại cây trồng khác có giá trị kinh tế cao, phù hợp nhu cầu thị trường. Quy hoạch, phát triển cây lâu năm bảo đảm bền vững, hiệu quả. Xây dựng các vùng sản xuất cây dược liệu, cây công nghiệp, cây ăn quả, rau, hoa,... gắn với cấp mã vùng trồng, mã vạch sản phẩm. Phấn đấu giai đoạn 2021-2025, sản lượng lương thực ổn định 28-28,5 vạn tấn/năm.

Phát triển chăn nuôi trang trại, gia trại hiệu quả, thân thiện với môi trường. Tập trung cải tạo và nâng cao chất lượng giống, phát triển các giống đặc sản, áp dụng quy trình chăn nuôi tiên tiến, an toàn sinh học, ứng dụng công nghệ cao, an toàn dịch bệnh. Phát triển sản xuất thức ăn chăn nuôi công nghiệp. Kêu gọi đầu tư và hiện đại hóa cơ sở giết mổ, chế biến sản phẩm thịt gia súc, gia cầm tập trung. Đến năm 2025, tỷ trọng chăn nuôi trong tổng giá trị sản xuất nông nghiệp đạt 54 - 55%.

Phát triển lâm nghiệp theo hướng nâng cao giá trị, bảo vệ môi trường, ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu. Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng rừng hợp lý; tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị. Chú trọng trồng rừng gỗ lớn, trồng dược liệu dưới tán rừng; khoanh nuôi tái sinh tự nhiên, nuôi dưỡng rừng, làm giàu rừng tự nhiên. Đẩy mạnh phát triển dịch vụ môi trường rừng; quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ gỗ rừng trồng; thực hiện nghiêm chủ trương đóng cửa rừng tự nhiên; bảo tồn đa dạng sinh học gắn với phát triển du lịch sinh thái; chủ động phòng chống cháy rừng. Phấn đấu đến năm 2025, ổn định độ che phủ rừng 68%.

Chú trọng và phát huy thế mạnh về phát triển thủy sản; tiếp tục khuyến khích và nâng cao hiệu quả đánh bắt xa bờ theo hướng bền vững, kiểm soát đánh bắt ven bờ. Quan tâm đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ hậu cần nghề cá; chú trọng công tác thông tin, cứu hộ, cứu nạn. Nâng cao năng suất, hiệu quả nuôi trồng thủy sản chủ lực trên cơ sở đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật, quản lý chặt chẽ giống, phòng chống dịch bệnh. Du nhập và chuyển giao các công nghệ khai thác, bảo quản chế biến thuỷ sản mới phù hợp nhằm giảm thiểu tổn thất sau thu hoạch. Mở rộng và phát triển các thị trường tiêu thụ thủy sản. Phấn đấu đến năm 2025, sản lượng thủy sản đạt 95.000-100.000 tấn.

Đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới thực chất, đi vào chiều sâu, hiệu quả, bền vững gắn với công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn và nâng cao thu nhâp người dân khu vực nông thôn. Bảo tồn văn hóa đặc trưng, phong tục, tập quán tốt đẹp, huy động mạnh mẽ sự tham gia của người dân và các nguồn lực xã hội. Thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu và nông thôn mới cấp thôn, bản. Phát triển các sản phẩm đặc sản, thế mạnh của địa phương theo hướng “Mỗi xã một sản phẩm” gắn với xây dựng thương hiệu. Đến năm 2025, có 01 - 02 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn hoặc hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; 87% số xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới (112 xã), 30% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (39 xã), 10% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu (13 xã).

Tiếp tục phát triển hợp tác xã cả về số lượng và chất lượng, đồng đều giữa các vùng miền, giữa khu vực nông nghiệp và phi nông nghiệp; coi trọng mở rộng quy mô thành viên và nâng cao vai trò chủ thể của các thành viên tham gia; tạo điều kiện để hợp tác xã phát triển bền vững. Chuyển mạnh từ sản xuất theo hộ gia đình sang mô hình sản xuất hợp tác, liên kết, tập trung, quy mô lớn. Nhân rộng các mô hình hợp tác xã tiên tiến, thành công, hiệu quả.

Huy động mọi nguồn lực, thực hiện có hiệu quả Kế hoạch của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 22/12/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII về khắc phục hậu quả lũ lụt, sớm ổn định đời sống nhân dân.

***1.3. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp***

Tập trung phát triển công nghiệp trở thành ngành mang tính động lực thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh. Chú trọng các ngành công nghiệp chủ lực, có lợi thế cạnh tranh như: công nghiệp điện và năng lượng tái tạo, sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến nông, lâm, thuỷ sản; công nghiệp dệt may và các ngành công nghiệp hỗ trợ... gắn với nâng cao trình độ công nghệ, đổi mới sáng tạo, khai thác tốt cách mạng công nghệ lần thứ tư. Phát triển công nghiệp gắn liền với việc tạo liên kết vùng với các khu kinh tế trọng điểm của các tỉnh trong khu vực. Đẩy mạnh phát triển Khu Kinh tế Hòn La, Khu Kinh tế cửa khẩu Cha Lo gắn với hành lang Quốc lộ 12A. Đẩy nhanh tỷ lệ lấp đầy và phát huy hiệu quả các khu công nghiệp Bắc Đồng Hới, Quán Hàu, Cam Liên,... Ưu tiên thu hút các dự án công nghiệp chế biến, chế tạo có công nghệ, thiết bị hiện đại, thân thiện với môi trường; các dự án có hiệu quả kinh tế cao, đóng góp lớn cho ngân sách và giải quyết việc làm cho lao động. Đẩy mạnh phát triển tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề nông thôn, tập trung các sản phẩm phục vụ du lịch, xuất khẩu có giá trị gia tăng cao. Giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân hàng năm 14-14,5%.

Đẩy nhanh tiến độ dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch I, II và các dự án năng lượng tái tạo; đến năm 2025, sản lượng điện sản xuất đạt 9.500 triệu kWh. Ổn định, phát huy công suất các nhà máy xi măng hiện có gắn với bảo vệ môi trường; đến năm 2025, sản lượng xi măng, clinke các loại đạt 6 triệu tấn. Khai thác tốt công suất các nhà máy may đang hoạt động; đến năm 2025, đạt sản lượng 30 triệu sản phẩm. Đẩy mạnh phát triển tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề nông thôn trên cơ sở khôi phục, củng cố, mở rộng các làng nghề, làng nghề truyền thống; phát triển các ngành nghề mây tre đan, chế biến hải sản, sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, hàng lưu niệm...

***1.4. Các ngành dịch vụ***

Tạo chuyển biến mạnh mẽ, rõ nét trong phát triển khu vực dịch vụ, nhất là các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao, dịch vụ hỗ trợ sản xuất kinh doanh và đời sống như: thương mại, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, pháp lý, y tế, giáo dục - đào tạo, giao thông vận tải, viễn thông, logistic... Phấn đấu giá trị sản xuất dịch vụ bình quân hàng năm tăng 7-7,5%; Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tăng 13,5%/năm.

Tiếp tục đẩy mạnh phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng thương mại và các kênh phân phối dịch vụ như: các trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng tiện ích, chợ bán buôn, chợ đầu mối nông sản, chợ nông thôn, đảm bảo cung cầu hàng hóa, ổn định thị trường giá cả nhất là các mặt hàng thiếu yếu đối với sản xuất và đời sống. Phát triển các hoạt động thương mại điện tử, mua bán trực tuyến. Triển khai Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động Quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững giai đoạn 2021-2025. Tăng cường công tác phối hợp để kiểm tra, kiểm soát thị trường, giá cả, ngăn chặn các hành vi buôn lậu, hàng giả, gian lận thương mại, vệ sinh an toàn thực phẩm. Đẩy mạnh hoạt động xuất nhập khẩu theo hướng mở rộng thị trường, mặt hàng và nâng cao hiệu quả; chuyển từ xuất khẩu thô sang xuất khẩu tinh để tăng giá trị những mặt hàng có lợi thế của tỉnh như: Hải sản, sản phẩm từ gỗ, cao lanh tinh, bột đá chất lượng cao,… Phấn đầu tổng kim ngạch xuất nhập khẩu giai đoạn 2021-2025 đạt 1.834 triệu USD, trong đó tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 893 triệu USD, tăng bình quân 12,2%/năm; tổng kim ngạch nhập khẩu đạt 941 triệu USD, tăng bình quân 7%/năm.

Tạo chuyển biến mạnh mẽ trong khai thác, phát huy tiềm năng, thế mạnh du lịch. Tăng cường đầu tư phát triển hạ tầng du lịch, nhất là ở khu vực Phong Nha - Kẻ Bàng, ven biển, trên cơ sở bảo đảm đồng bộ, hài hòa giữa phát triển kinh tế và bảo vệ, phát huy giá trị di sản; khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư du lịch, tập trung vào những nhà đầu tư có uy tín, thương hiệu tạo ra các sản phẩm du lịch, khu vui chơi giải trí, khu nghỉ dưỡng ven biển đẳng cấp khu vực, quốc tế. Phát triển các sản phẩm cao cấp, các tuyến, điểm du lịch mang tính độc đáo và các nhóm sản phẩm, như: Du lịch lễ hội; du lịch kết hợp hội nghị, hội thảo, triển lãm, tổ chức sự kiện; du lịch mùa đông. Hình thành các sản phẩm du lịch đặc trưng ở mỗi địa phương. Quan tâm quy hoạch và kêu gọi đầu tư phát triển du lịch trên các dòng sông. Thực hiện hiệu quả công tác quảng bá, xúc tiến, liên kết, hợp tác phát triển du lịch trong nước và quốc tế theo chiều sâu, chuyên biệt cho từng phân khúc thị trường. Nâng cao trình độ, ngoại ngữ, tính chuyên nghiệp của các doanh nghiệp, đơn vị kinh doanh dịch vụ du lịch và cộng đồng dân cư; xây dựng phong cách ứng xử lịch sự, mến khách, thân thiện; bảo đảm an ninh du lịch. Chú trọng công tác hướng nghiệp, đào tạo nguồn nhân lực ngành du lịch và các ngành dịch vụ hỗ trợ. Khuyến khích các hoạt động du lịch vì lợi ích cộng đồng. Phấn đấu thương hiệu du lịch Quảng Bình là điểm đến hấp dẫn hàng đầu trên bản đồ du lịch Việt Nam, là hình ảnh, thương hiệu của Việt Nam trên thị trường du lịch thế giới, đến năm 2025, khách du lịch đạt 07 - 08 triệu lượt khách, trong đó, khách quốc tế chiếm 10 - 20%.

Các ngành dịch vụ khác như: tài chính, ngân hàng, bưu chính, viễn thông, bảo hiểm, khám chữa bệnh, tư vấn pháp luật,…tiếp tục duy trì, đáp ứng tốt nhu cầu của nhân dân. Tiếp tục nâng cao năng lực, chất lượng các loại hình vận tải, đặc biệt là dịch vụ vận tải phục vụ phát triển du lịch và các dịch vụ hỗ trợ vận tải, vận tải đa phương thức; phát triển các cụm điểm thương mại, dịch vụ vận tải hàng hóa, dịch vụ logistics dọc hành lang Quốc lộ 12A; khai thác có hiệu quả cảng Hòn La, cảng hàng không Đồng Hới. Xúc tiến mở thêm một số đường bay quốc tế, nội địa.

***1.5. Phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế***

Tập trung huy động tổng hợp các nguồn lực, nhất là nguồn lực ngoài ngân sách để đầu tư các dự án quan trọng, dự án cấp thiết, có tính chất kết nối chiến lược, lan tỏa, bảo đảm hài hòa giữa các vùng: Đô thị, khu kinh tế, khu du lịch, nông thôn, vùng sâu, vùng xa, bãi ngang, cồn bãi, khu vực biên giới. Phấn đấu tổng vốn đầu tư toàn xã hội trên địa bàn giai đoạn 2021 – 2025 đạt 135.000 – 140.000 tỷ đồng.

Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh đảm bảo đồng bộ theo hướng hiện đại. Ưu tiên đầu tư các công trình: nâng cấp cảng hàng không Đồng Hới, nâng cấp cảng Hòn La, Quốc lộ 12A, Quốc lộ 9B; tuyến đường bộ cao tốc Bắc - Nam đoạn qua tỉnh; đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3; xây dựng một số cầu, đường có tính chất kết nối liên vùng; nâng cấp các tuyến đường thủy, các tuyến đường liên xã; hệ thống bến xe; kiên cố hóa các tuyến đường giao thông nông thôn vùng khó khăn, cồn bãi. Quan tâm đầu tư hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật các khu kinh tế, khu công nghiệp.

Tiếp tục gia cố, nâng cấp bảo đảm an toàn các hồ chứa, hệ thống đê, kè chống xói lở bờ sông, ven biển, kiên cố hóa kênh mương; đến năm 2025, tỷ lệ tưới tiêu chủ động đạt 98%. Đầu tư, nâng cấp hệ thống lưới điện đồng bộ; xây dựng, nâng cấp các nhà máy nước sinh hoạt và mạng lưới cấp nước, nhất là vùng thiếu nước sinh hoạt; xây dựng các nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt tại các đô thị, khu du lịch. Phát triển nguồn điện và mạng lưới đường dây, trạm biến áp theo quy hoạch. Tiếp tục phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, bưu chính, viễn thông, phát thanh, truyền hình, nâng cao chất lượng thông tin liên lạc, mở rộng diện phủ sóng điện thoại, internet… Quan tâm phát triển đồng bộ hạ tầng văn hóa, xã hội.

Xây dựng, chỉnh trang các đô thị phù hợp với từng giai đoạn phát triển. Đến năm 2025, nâng cao tỷ lệ đô thị hóa trên địa bàn. Phấn đấu đến năm 2025, tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 33%. Tiếp tục quy hoạch và xây dựng hạ tầng thành phố Đồng Hới, thị xã Ba Đồn, thị trấn Hoàn Lão mở rộng, thị trấn Kiến Giang mở rộng, thị trấn Phong Nha; Khu kinh tế cửa khẩu Cha Lo và Khu kinh tế Hòn La thành các đô thị động lực của tỉnh…

* 1. ***Tài chính - tín dụng, ngân hàng***

Đảm bảo khả năng tài chính, ngân sách đủ mạnh thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh, hiệu quả, vững chắc. Hoàn thiện chính sách thu gắn với cơ cấu lại thu ngân sách nhà nước theo hướng bao quát toàn bộ các nguồn thu, mở rộng cơ sở thu, nguồn thu mới, phù hợp với quy định. Phát triển thị trường bất động sản nhằm tăng nguồn lực từ quỹ đất vào đầu tư phát triển. Động viên hợp lý các nguồn thu vào ngân sách trên cơ sở cải cách việc quản lý thuế, phí phù hợp với cơ chế thị trường. Đẩy mạnh cải cách và đơn giản hoá các thủ tục hành chính thuế, đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản vào ngân sách nhà nước. Phấn đấu tổng thu ngân sách trên địa bàn đến năm 2025 đạt 9.000 tỷ đồng. Phân cấp mạnh các nguồn thu cho ngân sách cấp dưới, nhất là cấp xã, từng bước tiến tới ngân sách cấp xã chủ động cân đối thu- chi ngân sách cấp mình. Nâng cao hiệu quả chi ngân sách, từng bước triển khai quản lý chi ngân sách theo kết quả thực hiện nhiệm vụ gắn với thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Thực hiện chi ngân sách công bằng, hợp lý, ổn định và bền vững; cơ cấu chi ngân sách theo hướng tích cực, tăng dần đầu tư phát triển, tạo điều kiện cho chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động. Đảm bảo vốn cho các công trình trọng điểm và các mục tiêu, hỗ trợ đầu tư phát triển hợp lý cho các vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc. Nâng cao năng lực và hiệu quả giám sát tài chính bằng các biện pháp kiểm toán, thanh tra tài chính, chế độ báo cáo thông tin đảm bảo đều công khai minh bạch.

Nâng cao chất lượng hệ thống ngân hàng và tổ chức tín dụng, bảo đảm hoạt động an toàn, hiệu quả. Tích cực huy động nguồn vốn cho vay phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, các lĩnh vực ưu tiên, cho vay chuỗi giá trị trong sản xuất nông nghiệp; thực hiện tốt tín dụng chính sách xã hội. Phấn đấu mức tăng trưởng nguồn vốn bình quân nhiệm kỳ đạt 17%/năm, tổng dư nọ đạt 18%/năm; nợ xấu duy trì dưới 1% tổng dư nợ. Đa dạng hoá các loại hình dịch vụ ngân hàng, phát huy vai trò của tín dụng vi mô, tạo điều kiện để người dân, doanh nghiệp được dễ dàng tiếp cận và vay vốn; thực hiện đồng bộ các giải pháp để đẩy lùi nạn tín dụng đen. Nâng cao khả năng tiếp cận và sử dụng thuận tiện các sản phẩm, dịch vụ tài chính cơ bản, như thanh toán, chuyển tiền, tiết kiệm, tín dụng, bảo hiểm đối với dân cư nông thôn, vùng sâu, vùng xa. Thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt. Phấn đấu đến cuối năm 2025, ít nhất 80% người trưởng thành có tài khoản giao dịch ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác; số lượng giao dịch thanh toán không dùng tiền mặt đạt tốc độ tăng 20-25% hằng năm.

* 1. ***Hoạt động đối ngoại và xúc tiến đầu tư***

Tăng cường củng cố, chủ động mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại. Tiếp tục mối quan hệ hữu nghị truyền thống, hợp tác toàn diện với Lào, Cu-ba; nâng cao hiệu quả hợp tác với các tỉnh của Thái Lan và các địa phương, đối tác của các nước đã thiết lập quan hệ; mở rộng hợp tác với các địa phương, đối tác của Nhật Bản, Hàn Quốc, EU, Mỹ, Ô-xtơ-rây-li-a,...Nâng cao hiệu quả công tác ngoại giao kinh tế, xúc tiến đầu tư tạo điều kiện cho các nhà đầu tư nước ngoài đến tìm hiểu và đầu tư tại tỉnh. Đẩy mạnh các hoạt động ngoại giao văn hóa, tuyên truyền và giới thiệu hình ảnh của Quảng Bình đến với bạn bè quốc tế. Thực hiện chủ động, kịp thời và hiệu quả công tác bảo hộ công dân, công tác về người Việt Nam ở nước ngoài. Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về biên giới đất liền, công tác biển, đảo, tăng cường quốc phòng - an ninh khu vực biên giới của tỉnh. Tiếp tục khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để người Việt Nam ở nước ngoài hướng về xây dựng quê hương.

Tập trung cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao tính cạnh tranh của tỉnh hướng vào thực chất, hiệu quả, thông thoáng, thuận lợi, nhằm thúc đẩy thu hút có hiệu quả các nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội; tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người dân, doanh nghiệp, nhà đầu tư được thụ hưởng đầy đủ các dịch vụ công; kiến nghị bãi bỏ, bổ sung, sửa đổi những quy định không phù hợp, chồng chéo, bất cập, nhất là các thủ tục liên quan đến đất đai, cấp phép xây dựng, cấp quyết định chủ trương đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư,... Nghiên cứu ban hành chính sách đặc thù thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp, khu kinh tế của tỉnh. Ưu tiên lựa chọn các tập đoàn, doanh nghiệp có năng lực, kinh nghiệm, uy tín, thương hiệu. Triển khai thực hiện các dự án đã được cam kết tại Hội nghị xúc tiến đầu tư; thực hiện có hiệu quả các cam kết sau Hội nghị xúc tiến đầu tư 2021.

Đa dạng các hình thức thu hút đầu tư để huy động nguồn lực trong và nước ngoài. Tích cực phối hợp với các bộ, ngành Trung ương, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài để quảng bá, giới thiệu hình ảnh, tiềm năng, chính sách thu hút, kêu gọi đầu tư của tỉnh. Tổ chức có hiệu quả các hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch ở nước ngoài, chú trọng đến các nước Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Niu Di-lân, Ô-xtrây-lia, Hoa Kỳ, Châu Âu.

*Về các dự án hỗ trợ phát triển chính thức (ODA):* Tập trung tháo gỡ khó khăn, thực hiện theo đúng mục tiêu và tiến độ cam kết đối với các dự án đang triển khai. Tiếp tục vận động các cơ quan, tổ chức tài chính quốc tế tài trợ nguồn vốn ODA cho tỉnh Quảng Bình. Tập trung vận động vốn ODA phục vụ xây dựng hoàn thiện cơ sở hạ tầng; phát triển đô thị thông minh, nguồn nhân lực; bảo vệ môi trường, phòng chống giảm nhẹ rủi ro thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu... Phấn đấu cả giai đoạn 2021 - 2025 thu hút được vốn ODA và vốn vay ưu đãi khoảng 150 triệu USD.

*Về các dự án viện trợ phi chính phủ nước ngoài (NGO):* tiếp tục đẩy mạnh công tác vận động viện trợ, ưu tiên định hướng vào các lĩnh vực có sự tương đồng giữa nhu cầu địa phương và thế mạnh của các tổ chức PCPNN. Tập trung vào việc xúc tiến kêu gọi các dự án phù hợp với nhu cầu địa phương ở các lĩnh vực: khắc phục hậu quả chiến tranh, y tế; giáo dục - đào tạo; cải thiện sinh kế; giải quyết các vấn đề xã hội; bảo tồn thiên nhiên đa dạng sinh học... Tổng nguồn vốn dự kiến huy động cho cả giai đoạn 2021 - 2025 ước đạt 15 triệu USD.

*Về các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI):* tập trung thu hút các dự án FDI thuộc các lĩnh vực tỉnh Quảng Bình có lợi thế[[82]](#footnote-82); tiếp tục phối hợp với các cơ quan Trung ương tổ chức các cuộc xúc tiến đầu tư tại Hàn Quốc, Nhật Bản, Singapore, Mỹ, Châu Âu,.. nhằm thu hút, kêu gọi các doanh nghiệp có tiềm lực đầu tư các dự án có quy mô lớn, tạo động lực phát triển KT-XH của tỉnh. Phấn đấu giai đoạn 2021 - 2025 thu hút được 05-10 dự án FDI mới, với tổng vốn đăng ký 500 - 600 triệu USD; số vốn thực hiện dự kiến khoảng 50% số vốn đăng ký.

* 1. ***Phát triển doanh nghiệp và các thành phần kinh tế***

Tập trung phát triển doanh nghiệp của tỉnh cả về số lượng và chất lượng với nền tảng công nghệ hiện đại, đổi mới sáng tạo, quản trị theo chuẩn mực tiên tiến... Phấn đấu đến năm 2025 toàn tỉnh có 11.000 doanh nghiệp. Khuyến khích đa dạng các loại hình doanh nghiệp, nhất là loại hình doanh nghiệp đa sở hữu, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Phát triển hệ thống doanh nghiệp bảo đảm sự tương tác, hỗ trợ giữa các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế: sản xuất - thương mại, kế toán - tài chính, tư vấn pháp lý và các lĩnh vực khác...; tạo sự liên kết giữa doanh nghiệp có quy mô nhỏ và quy mô lớn bền chặt, cùng tham gia vào chuỗi sản xuất và cung ứng thị trường.

Thực hiện tái cơ cấu các doanh nghiệp nhà nước; nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp sau cổ phần hóa. Tiếp tục sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động các nông, lâm trường theo đúng kế hoạch.

Tạo điều kiện thuận lợi nhất và minh bạch để các thành phần kinh tế phát triển nhanh. Tiếp tục đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, hợp tác xã là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị; phát triển thêm các hợp tác xã, tổ hợp tác; chuyển mạnh từ sản xuất theo hộ gia đình sang mô hình sản xuất hợp tác, liên kết, tập trung, quy mô lớn; hỗ trợ phát triển trang trại trong nông nghiệp.

***1.9. Tài nguyên và môi trường***

Tăng cường công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh thiên tai. Coi trọng việc giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và bảo vệ tài nguyên, môi trường. Quản lý chặt chẽ và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực tài nguyên, nhất là đất, nước, khoáng sản theo nguyên tắc thị trường. Xây dựng, hoàn thiện hệ thống thông tin về đất đai, tài nguyên, môi trường; thực hiện tốt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch khoáng sản; phát triển quỹ đất, đẩy mạnh đấu giá quyền sử dụng đất tạo nguồn thu ngân sách. Ngăn ngừa, hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm, suy thoái môi trường, cạn kiệt nguồn nước; thực hiện nghiêm và nâng cao chất lượng đánh giá tác động môi trường đối với các dự án. Kiểm soát chặt chẽ và xử lý các nguồn thải, thực hiện việc phân loại rác thải tại hộ gia đình. Khuyến khích, thu hút nhà đầu tư cung cấp dịch vụ thu gom, xử lý, tái chế chất thải. Phát huy các nhà máy xử lý rác thải hiện có. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường.

Xây dựng và thực hiện tốt kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo, theo dõi chặt chẽ diễn biến thiên tai; xây dựng hệ thống các giải pháp căn cơ, bài bản để chủ động phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai, lũ lụt trong điều kiện biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp, khó lường, hạn chế thấp nhất thiệt hại. Bố trí nguồn chi ngân sách thích đáng, kết hợp xã hội hóa các nguồn lực cho công tác bảo vệ môi trường, phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai, nhất là các loại hình thiên tai, như bão mạnh, lũ lớn, lũ quét, sạt lở đất, hạn hán.

**2. Phát triển Văn hóa - Xã hội**

*Tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; chú trọng công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân; đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao khoa học, công nghệ; phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, thể thao, thông tin, truyền thông; chăm lo giải quyết việc làm, giảm nghèo bền vững; thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội*

 ***2.1. Giáo dục - đào tạo, phát triển nguồn nhân lực***

Tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Phát triển nguồn nhân lực có chất lượng, ưu tiên phát triển nguồn nhân lực cho các ngành, lĩnh vực then chốt. Tập trung xây dựng, thực hiện quy hoạch hệ thống giáo dục, đào tạo hợp lý gắn với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và điều kiện bảo đảm chất lượng. Nâng cao chất lượng giáo dục mũi nhọn, giáo dục toàn diện, giáo dục năng lực sáng tạo, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống. Bảo đảm số lượng, chất lượng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục. Tăng cường đầu tư xây dựng hệ thống trường lớp, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học theo hướng hiện đại. Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, đào tạo đúng hướng, hợp lý. Thực hiện tốt hơn giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh sau trung học cơ sở, trung học phổ thông. Đẩy mạnh xây dựng xã hội học tập, học tập suốt đời. Xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, ngăn ngừa và xử lý nghiêm các tiêu cực trong giáo dục, đào tạo. Thu hẹp khoảng cách về chất lượng giáo dục giữa các vùng, miền. Triển khai thực hiện hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông và sách giáo khoa mới. Củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, xóa mù chữ, chất lượng, số lượng trường đạt chuẩn quốc gia theo hướng bền vững. Tiếp tục đổi mới công tác quản lý giáo dục, coi trọng quản lý chất lượng; phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ sở giáo dục, đào tạo và địa phương.

Nâng cao năng lực, chất lượng đào tạo của Trường Đại học Quảng Bình, các trường cao đẳng; đổi mới chương trình đào tạo theo hướng hiện đại, đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng. Phát huy hiệu quả hoạt động của các trung tâm học tập cộng đồng, trung tâm giáo dục - dạy nghề.

***2.2. Khoa học và công nghệ***

 Tăng cường đầu tư xây dựng và phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ theo hướng hiện đại, đáp ứng yêu cầu của sản xuất kinh doanh và đời sống xã hội. Phát triển đồng bộ trên các lĩnh vực khoa học: xã hội nhân văn, tự nhiên, kỹ thuật... bảo đảm cung cấp luận cứ cho hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Thực hiện xã hội hoá một số hoạt động khoa học và công nghệ, có chính sách tăng đầu tư xã hội cho khoa học và công nghệ, đặc biệt từ các doanh nghiệp; quan tâm tạo môi trường thuận lợi, điều kiện vật chất để cán bộ khoa học và công nghệ phát triển bằng tài năng, có nhiều đóng góp.

 Đẩy mạnh hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, lấy doanh nghiệp làm trung tâm; gắn hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ với yêu cầu thực tiễn của cuộc sống. Tăng cường chuyển giao, ứng dụng công nghệ mới, tiên tiến vào sản xuất; mở rộng hình thức liên kết giữa Nhà nước, nhà khoa học, nhà doanh nghiệp, nhà nông; khuyến khích để các doanh nghiệp tham gia nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới, tiên tiến, công nghệ sinh học nhằm khai thác tiềm năng, thế mạnh, tạo việc làm, tăng thu nhập và cải thiện đời sống nhân dân. Nâng cao chất lượng công tác quản lý nhà nước về công nghệ, an toàn bức xạ và hạt nhân, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng. Tăng cường hỗ trợ các doanh nghiệp xác lập quyền sở hữu tài sản trí tuệ, nâng cao năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh các sản phẩm hàng hóa và dịch vụ. Đẩy mạnh sâu rộng phong trào lao động sáng tạo, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật.

 ***2.3. Y tế và công tác bảo vệ, chăm sóc sức khoẻ***

Tập trung thực hiện tốt công tác phòng chống đại dịch Covid-19, tiêm chủng đại trà vắc xin Covid-19 cho cộng đồng. Đẩy mạnh công tác y tế dự phòng và nâng cao sức khỏe, phòng chống bệnh lây nhiễm và không lây nhiễm. Tiếp tục chú trọng và nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, củng cố và hoàn thiện năng lực hoạt động tuyến y tế cơ sở. Tập trung đầu tư nâng cấp các cơ sở khám chữa bệnh, chú trọng cung cấp trang thiết bị từng bước chuyên sâu, tập trung một số lĩnh vực mũi nhọn. Thực hiện theo lộ trình tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp y tế, theo hướng chuyên nghiệp, tập trung và hiệu quả. Quan tâm trau dồi y đức, nâng cao ý thức trách nhiệm cán bộ, nhân viên; có chính sách trong công tác đào tạo, thu hút nhân lực chuyên môn cao ngành y. Từng bước triển khai mô hình bác sỹ gia đình, quản lý bệnh không lây nhiễm. Quan tâm đến công tác bảo vệ, chăm sóc sức khoẻ cán bộ.

Chú trọng và có cơ chế khuyến khích phát triển hệ thống y tế tư nhân, xã hội hóa trong lĩnh vực y tế, khám chữa bệnh cho nhân dân, khuyến khích đầu tư xây dựng các bệnh viện tư nhân, trung tâm khám chữa bệnh tư nhân chất lượng cao. Có định hướng trong phát triển nguồn dược liệu, xây dựng hệ thống sản xuất dược, chủ động đảm bảo nguồn thuốc thiết yếu. Chú trọng công tác dự báo, giám sát, phát hiện, phòng, chống, xử lý kịp thời dịch bệnh, nhất là dịch bệnh lớn. Duy trì công tác thanh tra, quản lý hành nghề y, dược tư nhân; chú trọng công tác đảm bảo chất lượng ATVSTP. Nâng cao chất lượng hệ thống cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khoẻ sinh sản, kế hoạch hóa gia đình. Phấn đấu tốc độ tăng dân số ổn định và duy trì mức sinh thay thế đến năm 2025; giảm tỷ suất sinh hàng năm từ 0,1 - 0,2‰; tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi dưới 23%, thể nhẹ cân dưới 14,4%; trên 95% trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc-xin.

***2.4. Văn hoá, thể thao***

Chăm lo xây dựng môi trường và đời sống văn hóa phong phú, lành mạnh, văn minh; con người Quảng Bình phát triển toàn diện. Phát huy giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống, khơi dậy tình yêu quê hương, đất nước, ý chí, khát vọng vươn lên của người dân; xây dựng và giữ gìn các chuẩn mực văn hóa, đạo đức xã hội. Tăng cường công tác bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị các di sản văn hóa, lịch sử gắn với phát triển du lịch. Đề cao vai trò của gia đình, cộng đồng, xã hội trong xây dựng môi trường văn hóa; thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hóa giữa các vùng, miền. Nâng cao vai trò của văn học, nghệ thuật trong bồi dưỡng tâm hồn, nhân cách con người. Phấn đấu đến năm 2025 có 90% số gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hoá; 85% số làng, thôn, bản, tổ dân phố đạt danh hiệu văn hoá; 87% cơ quan, đơn vị, đoanh nghiệp đạt chuẩn văn hoá. Đẩy mạnh phát triển sự nghiệp thể dục, thể thao, nâng cao sức khỏe cho người dân. Phát triển thể thao thành tích cao, nhất là các môn có thế mạnh, như: Bơi, lặn, đua thuyền, điền kinh,... Tổ chức tốt các giải thi đấu thể thao phong trào; đăng cai tổ chức một số giải thể thao toàn quốc, quốc tế. Phấn đấu năm 2025, tỷ lệ số người tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên đạt 36%; tỷ lệ số gia đình thể thao đạt 30%.

Đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động dịch vụ văn hóa, thể thao. Quan tâm đầu tư hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao từ tỉnh đến cơ sở. Ưu tiên đầu tư xây dựng, nâng cấp một số công trình văn hóa, thể thao trọng điểm, sân vận động, nhà thi đấu; tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử văn hóa tiêu biểu; phát triển văn hóa dân gian, mỹ thuật công cộng. Đến năm 2025, 100% thôn, bản, tổ dân phố có nhà văn hóa - khu thể thao, trong đó, có 80% đạt chuẩn. Tổ chức các hoạt động kỷ niệm 110 năm Ngày sinh Đại tướng Võ Nguyên Giáp.

 ***2.5. Thông tin và Truyền thông***

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về thông tin, truyền thông. Quản lý chặt chẽ hoạt động báo chí, thông tin điện tử; theo dõi, xử lý kịp thời những sai phạm trên không gian mạng. Đẩy mạnh công tác thông tin đối ngoại, thông tin cơ sở, chú trọng truyền thông đại chúng tạo sự đồng thuận của xã hội.

Đẩy mạnh phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, bưu chính, viễn thông, báo chí, phát thanh, truyền hình theo hướng hiện đại, đồng bộ từ thành thị đến vùng sâu, vùng xa, trở thành phương thức phát triển mới, hạ tầng của mọi hạ tầng, nền tảng của chính quyền điện tử, đô thị thông minh, chuyển đổi số, kinh tế số, xã hội số. Chủ động tham gia và phát huy lợi thế cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin, ứng dụng chính quyền điện tử, trao đổi văn bản và làm việc trên môi trường mạng, tổ chức họp trực tuyến, họp không giấy, cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4; tạo lập cơ sở dữ liệu bảo đảm kết nối liên thông chia sẻ dữ liệu trở thành nền tảng của chính quyền điện tử, chuyển đổi số.

***2.6. Lao động, Thương binh và xã hội***

Triển khai các giải pháp đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu thị trường lao động, đáp ứng yêu cầu phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tư vấn, định hướng giáo dục nghề nghiệp cho học sinh và người lao động, tập trung đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp và triển khai có hiệu quả các chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động.

Tạo môi trường và điều kiện để phát triển thị trường lao động đồng bộ, thống nhất theo hướng hiện đại, phù hợp với đặc điểm kinh tế của tỉnh; đảm bảo kết nối được với thị trường lao động trong và ngoài nước; tiếp tục duy trì các thị trường truyền thống và mở rộng các thị trường mới có nhu cầu về trình độ công nhân kỹ thuật, có thu nhập cao, hạn chế thị trường có nhiều rủi ro. Khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển sản xuất, kinh doanh để tạo thêm việc làm mới; tăng cường sự liên kết giữa các cơ sở đào tạo và các doanh nghiệp trong dạy nghề và giải quyết việc làm. Nâng cao hiệu quả đào tào nghề cho nông dân và lao động nông thôn. Giai đoạn 2021 - 2025, lao động đi làm việc nước ngoài theo hợp đồng đạt khoảng 17.000 - 18.000 người. Phát triển hệ thống thông tin cung cầu lao động. Thực hiện hỗ trợ cho các đối tượng bị ảnh hưởng dịch Covid-19 đúng theo quy định của Chính phủ và Kế hoạch của UBND tỉnh.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác giảm nghèo bền vững thông qua các chính sách trợ giúp hộ nghèo, cận nghèo, lồng ghép công tác giảm nghèo trong thực hiện các chương trình, dự án. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người dân trong việc tự lực, tự cường, cần cù, chịu khó lao động để thoát nghèo, tránh trông chờ, ỷ lại. Ưu tiên nguồn lực cho vùng đặc biệt khó khăn, vùng lõi nghèo và tăng khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người nghèo. Phấn đấu đến năm 2025, toàn tỉnh giảm 1/2 số hộ nghèo tính đến thời điểm cuối năm 2020, tương đương với khoảng 5.000 hộ, bình quân giảm 1.000 hộ/năm (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2016-2020).

 Thực hiện tốt chính sách người có công; đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động đền ơn, đáp nghĩa; cải thiện đời sống vật chất tinh thần người có công phù hợp tăng trưởng kinh tế. Thực hiện toàn diện, đồng bộ các chính sách an sinh xã hội, chính sách người có công với nước; hỗ trợ người yếu thế khắc phục khó khăn ổn định cuộc sống, vươn lên hòa nhập cộng đồng. Tiếp tục mở rộng bao phủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp. Bảo đảm các quyền của trẻ em, xây dựng môi trường sống an toàn, thân thiện với trẻ em. Nâng cao hiệu quả hoạt động bình đẳng giới. Tăng cường các giải pháp đồng bộ về cai nghiện, chữa trị cho người nghiện ma túy.

***2.7. Thực hiện công tác dân tộc, tôn giáo***

Quan tâm, ưu tiên bố trí nguồn lực để đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Thực hiện có hiệu quả các chương trình, chính sách dân tộc, tập trung cải thiện sinh kế bền vững cho đồng bào dân tộc thiểu số; thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội nhằm xóa đói, giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân; củng cố và mở rộng các hoạt động y tế, giáo dục, truyền thông để nâng cao thể trạng, phát triển nguồn nhân lực vùng đồng bào dân tộc thiểu số; bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của đồng bào, tuyên truyền vận động xóa bỏ các hủ tục lạc hậu, xây dựng nông thôn mới.

Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo. Bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân; đồng thời có biện pháp phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn, xử lý các hành vi lợi dụng tôn giáo để chống phá Đảng, Nhà nước; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về tôn giáo, thường xuyên quan tâm bồi dưỡng cán bộ làm công tác tôn giáo. Tăng cường công tác đối ngoại tôn giáo; gặp gỡ, tuyên truyền, vận động chức sắc, chức việc, tín đồ các tôn giáo chấp hành tốt các quy định của pháp luật; giải quyết kịp thời các nhu cầu chính đáng; tạo sự đồng thuận của các chức sắc khi chính quyền giải quyết các vấn đề liên quan đến tôn giáo.

**3. Về xây dựng chính quyền, cải cách hành chính, cải cách tư pháp, phòng chống tham nhũng, lãng phí.**

*Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và năng lực kiến tạo phát triển; tạo chuyển biến rõ nét trong cải cách hành chính, cải cách tư pháp; tập trung thực hành tiết kiệm, kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí*

***3.1. Công tác tổ chức bộ máy, xây dựng chính quyền, cải cách hành chính, quản lý cán bộ, công chức viên chức***

Nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp; phát huy vai trò đại diện cho ý chí và nguyện vọng của Nhân dân; đề cao trách nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân. Thực hiện tốt chức năng quyết định của Hội đồng nhân dân trong việc ban hành các nghị quyết, bảo đảm đúng quy định pháp luật, cụ thể hóa chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước kịp thời, phù hợp với thực tiễn. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân các cấp; tăng cường hoạt động giám sát của Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo, quản lý, điều hành của Ủy ban nhân dân các cấp. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, ủy quyền; xác định rõ trách nhiệm người đứng đầu Ủy ban nhân dân các cấp và thủ trưởng các sở, ban, ngành trong quản lý, điều hành, tham mưu, đề xuất, thực thi nhiệm vụ; tạo chuyển biến mới trong hoạt động của chính quyền các cấp và năng lực kiến tạo phát triển. Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; sáp nhập các đơn vị hành chính cấp xã, thôn, tổ dân phố; tinh giản biên chế. Tập trung chỉ đạo thực hiện tốt quy chế đánh giá, quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển cán bộ, công chức; quy trình tuyển dụng, điều động, tiếp nhận, thuyên chuyển cán bộ, công chức theo quy định. Nâng cao chất lượng đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh; xây dựng chính quyền kiến tạo, liêm chính, hành động, thực sự phục vụ người dân, doanh nghiệp và nền hành chính hiện đại, kỷ cương, công khai, minh bạch. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong cải cách hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, ưu tiên hiện đại hóa nền hành chính. Nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm Hành chính công tỉnh, bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện. Chú trọng khảo sát, đánh giá sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính. Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về ý thức, trách nhiệm và chất lượng giải quyết công việc của đội ngũ cán bộ, công chức. Đổi mới lề lối, tác phong làm việc, siết chặt kỷ cương, kỷ luật hành chính; tăng cường công khai, minh bạch trong công tác quản lý. Nâng cao chỉ số quản trị hành chính công (PAPI), chỉ số hành lòng về phục vụ hành chính (SIPAS), chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI).

***3.2. Công tác thanh tra, tư pháp, phòng chống tham nhũng***

Thực hiện nhiệm vụ trọng tâm của cải cách hoạt động tư pháp. Nâng cao chất lượng điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật trên các lĩnh vực. Chú trọng tiếp công dân tại cơ sở, chủ động đối thoại, vận động, thuyết phục công dân để kịp thời giải quyết các khiếu nại, bức xúc của người dân, nhất là các khiếu nại, tố cáo phức tạp, tồn đọng, kéo dài; xử lý nghiêm những đối tượng lợi dụng quyền khiếu nại, tố cáo để cố ý vi phạm pháp luật. Thực hiện đồng bộ các giải pháp phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, tập trung vào các biện pháp phòng ngừa, bảo đảm tính công khai, minh bạch trong hoạt động của bộ máy nhà nước.

Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác tư pháp trên các lĩnh vực. Phát huy vai trò, hiệu quả hoạt động của hệ thống cơ quan tư pháp và các tổ chức bổ trợ tư pháp. Tập trung xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật đồng bộ, khả thi để nâng cao năng lực chỉ đạo, điều hành và tổ chức thi hành pháp luật hiệu quả. Thực hiện tốt nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật và xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Nâng cao hiệu quả và rút ngắn thời gian giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực dân sự, đầu tư, kinh doanh, thương mại và bảo vệ người tiêu dùng.

**4. Đảm bảo Quốc phòng – An ninh**

*Tăng cường quốc phòng - an ninh; bảo vệ vững chắc chủ quyền, biên giới, vùng biển, đảo của Tổ quốc; ngăn chặn và làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch.*

Tiếp tục triển khai và tổ chức thực hiện có hiệu quả các nghị quyết, chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Nghị quyết các cấp ủy đảng về lãnh đạo nhiệm vụ quân sự, quốc phòng-an ninh, nâng cao chất lượng xây dựng khu vực phòng thủ, xây dựng và củng cố nền quốc phòng toàn dân thực sự vững mạnh. Tiếp tục xây dựng lực lượng vũ trang địa phương cách mạng, chính quy, tinh nhuệ và từng bước hiện đại. Kết hợp tốt giữa phát triển kinh tế với đảm bảo quốc phòng, an ninh. Nâng cao hiệu quả chất lượng giáo dục, ý thức quốc phòng - an ninh cho toàn dân. Chủ động nắm chắc, dự báo chính xác tình hình, xử lý kịp thời các vụ việc, không để bị đột xuất, bất ngờ, nhất là ở địa bàn trọng yếu về quốc phòng, an ninh, trung tâm kinh tế - xã hội, vùng tôn giáo, biên giới... Đấu tranh làm thất bại âm mưu, thủ đoạn *"diễn biến hòa bình''*, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch và hoạt động của các loại tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật.

Giữ vững an ninh trật tự, nhất là ở các địa bàn trọng điểm nhạy cảm, địa bàn có các dự án lớn đầu tư..., không để hình thành “điểm nóng”. Đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; chủ động phòng ngừa, ngăn chặn, đẩy lùi các loại tội phạm, tệ nạn xã hội; ứng phó có hiệu quả với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống; bảo đảm an ninh thông tin, an ninh mạng. Quan tâm công tác bảo vệ an ninh chính trị nội bộ; làm tốt công tác bảo vệ bí mật Nhà nước. Tiếp tục đẩy mạnh công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông; kiềm chế, giảm thiểu tai nạn giao thông.

Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả toàn diện, đồng bộ các biện pháp công tác biên phòng. Tổ chức thực hiện tốt công tác quản lý biên giới, bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia, vùng biển, đường biên, mốc quốc giới; giữ vững an ninh, trật tự và an toàn xã hội, hợp tác phát triển kinh tế - xã hội khu vực biên giới. Xây dựng khu vực biên giới vững mạnh về mọi mặt.

 **Phần thứ ba**

**CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN**

**KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2021-2025**

Để thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025, cần tập trung vào chỉ đạo triển khai thực hiện một số giải pháp chủ yếu sau:

**1. Tập trung huy động và phát huy hiệu quả mọi nguồn lực; tăng cường đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ để thúc đầy tăng trưởng kinh tế và giải quyết có hiệu quả các vấn đề xã hội**

Triển khai thực hiện tốt Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế. Các nguồn lực của tỉnh phải được kiểm kê, đánh giá, thống kê đầy đủ, đúng đắn để quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tiết kiệm, hợp lý, hiệu quả và bền vững. Áp dụng nguyên tắc thị trường trong quản lý, khai thác, sử dụng và phân bổ các nguồn lực.

Rà soát, đánh giá chính xác tiềm năng, trữ lượng tài nguyên, khoáng sản trên địa bàn tỉnh; xây dựng lộ trình đấu thầu quyền khai thác các mỏ công khai, minh bạch, tăng thu ngân sách nhà nước. Tổ chức kiểm tra, rà soát tình hình sử dụng đất đã giao cho các chủ sử dụng; xử lý triệt để tình trạng lấn chiếm, chuyển nhượng, chuyển mục đích, cho thuê, mượn, giao khoán trái pháp luật, sử dụng đất lãng phí; kiên quyết thu hồi đất đối với các dự án đầu tư chậm tiến độ kéo dài để chuyển đổi đầu tư hiệu quả. Đẩy nhanh quá trình dồn điền đổi thửa, tích tụ và tập trung ruộng đất gắn với quy hoạch vùng hàng hóa tập trung. Đẩy mạnh giao đất, giao rừng, tạo điều kiện thuận lợi nâng cao thu nhập và đời sống cho người làm lâm nghiệp. Tiếp tục rà soát, đánh giá tiềm năng, thế mạnh du lịch của địa phương, nhất là những giá trị độc đáo của Vườn QG Phong Nha - Kẻ Bàng để tập trung khai thác. Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả “Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”, gắn kinh tế biển với bảo vệ chủ quyền quốc gia, bảo vệ tài nguyên môi trường biển, hải đảo.

Tạo điều kiện thuận lợi để các nhà đầu tư sớm xây dựng và đưa vào khai thác các công trình, dự án. Thường xuyên chú trọng thực hiện các giải pháp bảo đảm tiến độ đầu tư. Thu hút tối đa nguồn lực đầu tư, đa dạng hóa các hình thức huy động và sử dụng nguồn lực, nhất là các nguồn lực đầu tư ngoài nhà nước; nguồn lực từ khu vực tư nhân và các thành phần kinh tế khác để xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội theo hình thức đối tác công tư (PPP), đảm bảo hài hòa lợi ích của Nhà nước, nhà đầu tư và xã hội; qua đó, giảm áp lực cho ngân sách nhà nước; tận dụng được năng lực quản trị, kinh nghiệm, bí quyết công nghệ của nhà đầu tư; nâng cao hiệu quả sử dụng vốn…Ưu tiên thu hút các nguồn lực của xã hội phát triển các vùng kinh tế trọng điểm, các đô thị, các ngành mũi nhọn và công trình trọng điểm của tỉnh, các dự án lớn mang tính liên kết vùng.

Tiếp tục thực hiện hiệu quả cơ cấu lại đầu tư công theo hướng giảm đầu tư công trong cơ cấu vốn đầu tư toàn xã hội, trong đó tập trung vốn vào các ngành, lĩnh vực then chốt của nền kinh tế, các công trình, dự án trọng điểm, có sức lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, tạo đột phá thu hút nguồn vốn khu vực tư nhân trong và ngoài nước, bảo đảm phát triển hài hòa giữa các vùng, miền trong tỉnh và các tỉnh lân cận. Kiểm soát chặt chẽ các nguồn vốn vay để đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.

Tăng cường năng lực và cải tiến mạnh mẽ trong thực hiện các dự án ODA để đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội của tỉnh; quyết liệt chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong việc chuẩn bị dự án, đối ứng vốn nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân các dự án đang triển khai, sớm hoàn thành, đưa vào sử dụng. Tiếp tục nghiên cứu, đổi mới, triển khai có hiệu quả phương thức "Nhà nước và Nhân dân cùng làm" để thực hiện chương trình kiên cố hoá kênh mương, bê tông hoá đường giao thông nông thôn, thực hiện xã hội hoá các hoạt động giáo dục, đào tạo, y tế, văn hoá và TDTT. Thực hiện tốt việc lồng ghép các nguồn vốn để vừa tạo sức mạnh tổng hợp, vừa nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

Nâng cao chất lượng công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản; nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong triển khai thực hiện dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, đặc biệt đối với các vấn đề liên quan đến giải phóng mặt bằng, bảo đảm quốc phòng, an ninh, an toàn xã hội và môi trường. Tăng cường phân cấp đầu tư, phát huy tính chủ động, sáng tạo, đề cao trách nhiệm và có chế tài mạnh đối với các đơn vị, tổ chức chính quyền địa phương, nhất là người đứng đầu trong các quyết định đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, bảo đảm quản lý thống nhất.

**2. Nâng cao chất lượng tăng trưởng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế; phát triển mạnh mẽ các thành phần kinh tế**

Tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế; hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Tập trung tạo điều kiện để phát triển mạnh các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế tập thể, các yếu tố thị trường và các loại thị trường. Vận hành đồng bộ thị trường quyền sử dụng đất, thị trường lao động, thị trường bất động sản, khoa học và công nghệ, tài chính,... theo chuẩn mực của nền kinh tế thị trường đầy đủ. Tạo mọi điều kiện thuận lợi để kinh tế tư nhân phát triển nhanh, bền vững, đa dạng cả về quy mô, chất lượng. Hình thành, phát triển những tập đoàn kinh tế tư nhân lớn, tiềm lực mạnh, có khả năng cạnh tranh trong nước và quốc tế. Có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; hỗ trợ chuyển đổi hộ sản xuất, kinh doanh thành doanh nghiệp.

Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa dựa trên nền tảng của khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và những thành tựu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; cơ cấu ngành công nghiệp dựa vào lợi thế so sánh và tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ; tập trung phát triển những ngành công nghiệp có tiềm năng, lợi thế, giá trị gia tăng cao. Hình thành thí điểm một số mô hình cụm liên kết trong các ngành công nghiệp ưu tiên. Phát triển các ngành công nghiệp mới phù hợp, ưu tiên thu hút các dự án phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo, sử dụng công nghệ cao, sản phẩm cạnh tranh, thân thiện môi trường. Phát triển sản xuất công nghiệp quy mô lớn tại các khu công nghiệp, khu kinh tế ven biển, trong đó chú trọng các ngành sản xuất công nghiệp nặng, chế biến sâu, hình thành các chuỗi giá trị. Nâng cao năng lực thiết kế, thi công xây lắp, quản trị, quản lý xây dựng đạt trình độ tiên tiến, hiện đại, mở rộng sự tham gia của các doanh nghiệp xây dựng của tỉnh trên phạm vi cả nước. Phát triển các loại vật liệu xây dựng thông minh, tiết kiệm năng lượng, thân thiện môi trường.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng chất lượng, hiệu quả gắn với xây dựng nông thôn mới. Phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung quy mô lớn theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái, hữu cơ, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Tiếp tục triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới theo hướng gắn với đô thị hóa, thực chất, đi vào chiều sâu, hiệu quả, bền vững; thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu và xây dựng nông thôn mới cấp thôn, bản. Tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị, nhân rộng mô hình “Liên kết 4 nhà” trong sản xuất nông nghiệp; thực hiện có hiệu quả chính sách thu hút hiệu quả doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Hỗ trợ, khuyến khích phát triển kinh tế hộ gia đình, kinh tế trang trại, hợp tác xã nông nghiệp và các tổ hợp tác. Quản lý chặt chẽ, bảo vệ và phục hồi rừng tự nhiên gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường sinh thái. Nâng cao chất lượng rừng trồng, chú trọng phát triển trồng rừng gỗ lớn, lâm đặc sản. Cơ cấu lại ngành thủy sản theo hướng phát triển khai thác xa bờ phù hợp với nguồn lợi hải sản, đẩy mạnh nuôi trông thủy sản trên biển và ven biển; tổ chức tốt dịch vụ hậu cần nghề cá.

Đẩy mạnh phát triển các ngành dịch vụ, ưu tiên những ngành có lợi thế, có giá trị gia tăng cao; nâng cao chất lượng dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, logistics và dịch vụ hỗ trợ kinh doanh...; khuyến khích xã hội hóa đầu tư, phát triển các dịch vụ y tế, giáo dục, văn hóa, nghệ thuật, thể thao. Tích cực tìm kiếm, mở rộng thị trường để đẩy mạnh xuất khẩu, nhất là các mặt hàng có lợi thế, giá trị gia tăng cao. Kiểm soát và thúc đẩy thị trường bất động sản phát triển bền vững, ổn định. Phát triển mạnh kinh tế biển theo tinh thần Nghị quyết Trung ương.

Tiếp tục thực hiện các chính sách phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn; huy động tối đa các nguồn lực cho đầu tư phát triển du lịch, dịch vụ, ưu tiên kêu gọi những nhà đầu tư có thương hiệu, đẳng cấp về du lịch trong nước và quốc tế; tập trung quy hoạch và đầu tư để hình thành một số khu du lịch quy mô lớn, tầm cỡ quốc gia và khu vực. Xây dựng và định vị thương hiệu du lịch của tỉnh gắn với hình ảnh chủ đạo, độc đáo, mang đậm bản sắc: du lịch khám phá hang động, văn hóa tâm linh, sinh thái, lịch sử…. Chú trọng phát triển đồng thời cả du lịch quốc tế và du lịch nội địa.

**3. Chú trọng xây dựng, phát triển con người, văn hóa; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, ứng dụng và phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ**

Gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống nhân dân. Đề cao tính tiên phong, gương mẫu trong văn hóa ứng xử của người lãnh đạo, cán bộ, công chức và đảng viên. Khơi dậy tinh thần yêu nước, ý chí tự cường và khát vọng vươn lên. Đa dạng hóa các hình thức truyền thông, giáo dục, ngăn chặn suy thoái đạo đức, lối sống và phòng chống bạo lực gia đình, tệ nạn xã hội. Phát huy vai trò của gia đình, cộng đồng, xã hội trong việc xây dựng môi trường văn hóa con người. Từng bước thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hóa giữa thành thị và nông thôn, giữa các vùng miền và các giai tầng xã hội. Tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về dân số gắn với xây dựng gia đình hạnh phúc; bảo đảm hài hòa giữa quyền và nghĩa vụ của người dân trong thực hiện chính sách dân số. Nâng cao sức khỏe cho người dân cả về tầm vóc, thể chất, tinh thần, tuổi thọ cũng như chất lượng cuộc sống.

Thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách, giải pháp phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao trong các ngành, lĩnh vực chủ yếu của tỉnh, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động, nhất là ở nông thôn. Triển khai có hiệu quả hệ thống giáo dục mới theo các mục tiêu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo. Đẩy mạnh công tác hướng nghiệp, phân luồng, liên thông trong giáo dục, đào tạo. Tăng cường đào tạo thường xuyên và đạo tạo lại cho người lao động, đặc biệt là kỹ năng mềm, tính kỷ luật, kỷ cương lao động. Chú trọng phát hiện, bồi dưỡng, phát huy nhân tài; đổi mới chế độ tuyển dụng, sử dụng, trọng dụng nhân tài trong quản lý, quản trị nhà nước, khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo. Xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ.

Xây dựng cơ chế, chính sách vượt trội để khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo đáp ứng yêu cầu thực sự là động lực chính của tăng trưởng kinh tế, tạo bứt phá nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Ứng dụng và phát triển công nghệ mới, tập trung phát triển công nghệ ưu tiên có khả năng ứng dụng cao. Đổi mới mạnh mẽ cơ chế quản lý ngân sách nhà nước về khoa học trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả, có tính đến rủi ro; thực thi hiệu quả chính sách thu hút, trọng dụng cán bộ khoa học và công nghệ, khơi dậy sức sáng tạo; phát huy có hiệu quả các nhà khoa học, chuyên gia giỏi là người Quảng Bình ở trong nước và nước ngoài.

**4. Đẩy mạnh cải cách hành chính; tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh; đẩy mạnh công tác đấu tranh phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực**

Tiếp tục rà soát, cắt giảm thực chất hơn thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, tăng cường công khai, minh bạch, cải tiến quy trình, rút ngắn thời gian, giảm chi phí, xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp. Siết chặt kỷ luật hành chính, tăng cường thanh tra công vụ. Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng Chính quyền điện tử và ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan trong hệ thống chính trị. Thúc đẩy việc xử lý, hồ sơ công việc trên môi trường mạng hướng tới cơ quan nhà nước “không giấy tờ”. Tăng cường khả năng tiếp cận dịch vụ hành chính công của những đối tượng khó khăn. Tiếp nhận, xử lý nhanh và công khai kết quả giải quyết phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp. Cán bộ, công chức, viên chức mọi cấp, mọi ngành phải gần dân, sát cơ sở, nêu gương tốt hơn, phục vụ tốt hơn quần chúng nhân dân.

Tập trung thực hiện hiệu quả, thực chất các nhiệm vụ, giải pháp của Chính phủ về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, với mục tiêu là các cấp, các ngành phải nghiêm túc thực hiện để tạo điều kiện thuận lợi nhất cho đầu tư, kinh doanh, giảm tối đa các chi phí khởi nghiệp, giảm chi phí đầu vào, tiếp cận các chính sách, chương trình hỗ trợ của nhà nước về đầu tư, tín dụng; khuyến khích đổi mới công nghệ, nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp. Tiếp tục sâu sát, nắm tình hình để tập trung tháo gỡ khó khăn, tìm kiếm thị trường, đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh. Tổ chức đối thoại giữa Chính quyền với nhà đầu tư, doanh nghiệp theo chuyên đề, có trọng tâm, trọng điểm, giải quyết được vấn đề. Thường xuyên theo dõi, hướng dẫn, tập trung xử lý những vướng mắc cụ thể của từng nhà đầu tư; chủ động giúp, định hướng cho nhà đầu tư thực hiện phù hợp khi họ đến đầu tư trên địa bàn.

Tiếp tục triển khai quyết liệt công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí. Tập trung xử lý nghiêm khắc, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp trong giải quyết công việc. Nâng cao hiệu quả phòng ngừa, phát hiện, xử lý các hành vi tham nhũng. Tiếp tục thực hiện nghiêm quy định về kê khai, kiểm soát kê khai tài sản, thu nhập của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là cán bộ lãnh đạo. Nâng cao vai trò, phát huy tính tích cực, chủ động và phối hợp của Mặt trận tổ quốc, nhân dân, tổ chức chính trị, doanh nghiệp, báo chí trong phát hiện, đấu tranh phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; kiên quyết loại bỏ những cán bộ tham nhũng ra khỏi bộ máy các cơ quan Đảng và Nhà nước.

|  |  |
| --- | --- |
| Nơi nhận: VP Chính phủ, Vụ Địa phương VPCP; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Ban TV Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh ; Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;Đoàn Đại biểu QH tỉnh, các đại biểu HĐND tỉnh;VP Tỉnh uỷ và các Ban TU;VP ĐĐBQH&HĐND tỉnh và các Ban HĐND tỉnh; - Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; VPUB: LĐVP, các đơn vị thuộc VPUB;UBND các huyện, thị xã, thành phố; Lưu VT, TH. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN****KT. CHỦ TỊCH****PHÓ CHỦ TỊCH****Đoàn Ngọc Lâm** |

1. Tình hình kinh tế - xã hội của đất nước tiếp tục phát triển; các chủ trương, chính sách mới của Đảng và Nhà nước ngày càng phù hợp đi vào cuộc sống, tạo động lực cho các ngành, các địa phương phát triển. Sau hơn 30 năm tái lập, tỉnh ta đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng làm nền tảng cho phát triển; tình hình chính trị, xã hội ổn định; du lịch Quảng Bình có nhiều tiềm năng và đang tiếp tục phát triển trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.... [↑](#footnote-ref-1)
2. Sự cố môi trường biển do Formosa gây ra; thiên tai, bão lũ liên tiếp xảy ra; dịch bệnh (Covid-19, cúm AH5N1, dịch tả lợn châu Phi...), đầu tư công bị cắt giảm... [↑](#footnote-ref-2)
3. Bao gồm: Tăng trưởng kinh tế (GRDP); giá trị sản xuất nông nghiệp; giá trị sản xuất công nghiệp; giá trị sản xuất dịch vụ; GRDP bình quân đầu người; thu ngân sách; Tỷ lệ che phủ rừng . [↑](#footnote-ref-3)
4. Trong đó: năm 2016 tăng 5,57%, năm 2017 tăng 7,03%, năm 2018 tăng 7,33%, năm 2019 tăng 7,07%, năm 2020 tăng 2,90%. [↑](#footnote-ref-4)
5. Tỷ trọng khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản trong GRDP giảm từ 22,84% năm 2015 xuống còn 21,42% năm 2020; khu vực công nghiệp - xây dựng tăng từ 24,94% năm 2015 lên 28,19% năm 2020 và khu vực dịch vụ giảm từ 52,22% năm 2015 xuống còn 50,39% năm 2020. [↑](#footnote-ref-5)
6. Tổ chức thực hiện tốt Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng Bắc Trung bộ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 và Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng Nam Hà Tĩnh - Bắc Quảng Bình đến năm 2030. [↑](#footnote-ref-6)
7. giống trung, ngắn ngày chiếm 56%, tăng 8%; giống chất lượng cao 65,5%, (tăng 9% so với 2016), cao hơn bình quân các tỉnh trong khu vực; nhiều tiến bộ kỹ thuật và biện pháp canh tác tiên tiến được áp dụng vào sản xuất như thâm canh lúa cải tiến SRI (trên 6.500 ha, tăng 4.022ha so với 2016). [↑](#footnote-ref-7)
8. với diện tích chuyển đổi bình quân 1.960 ha/năm, hình thành một số vùng chuyển đổi tập trung, lãi 10-55 triệu đồng/ha/vụ, cao hơn 2-8 lần so với lúa. [↑](#footnote-ref-8)
9. Chiếm 8,6% diện tích sản xuất nông nghiệp toàn tỉnh, trong đó: lúa 3.304ha, sắn 3.514ha, ngô 65ha, lạc 342ha, dưa hấu 10h; khoảng 90% sản lượng được doanh nghiệp bao tiêu, lợi nhuận tăng 16-20%. [↑](#footnote-ref-9)
10. năm 2020 có 119 trang trại chăn nuôi; đặc biệt một số trang trại nuôi trên 1.000 lợn thịt, 120-150 lợn nái ngoại sinh sản, trên 40 bò lai Zêbu. [↑](#footnote-ref-10)
11. Trang trại chăn nuôi lợn siêu nạc của Công ty TNHH Chăn nuôi Buntaphan Quảng Bình (2.400 con lợn nái, 48 con lợn đực giống và 19.000 con lợn thịt chất lượng cao); trang trại chăn nuôi của Công ty TNHH TABICO (300 con lợn nái sinh sản). [↑](#footnote-ref-11)
12. Nổi bật là liên kết chăn nuôi lợn thịt của Công ty CP Việt Nam với 09 trang trại; liên kết chăn nuôi và tiêu thụ gà thịt của HTX Nam Hồng Quảng, sản lượng tiêu thụ qua liên kết 1.438 tấn (lợn 1.410 tấn, gà 18 tấn, thỏ 10 tấn); góp phần tăng tổng đàn, sản lượng thịt hơi xuất chuồng và nâng tỷ lệ bò lai năm 2020 chiếm 54% tổng đàn, tăng hơn 12% so với 2016. [↑](#footnote-ref-12)
13. Năm 2020, tổng đàn và mức tăng bình quân hàng năm thời kỳ 2016 - 2020 như sau: Đàn trâu 33.694 con, giảm 1,1%; đàn bò 104.592 con, tăng 1,7%; đàn lợn 237.320 con, giảm 8,4%; đàn gia cầm 4,98 triệu con, tăng 13,2%. Trọng lượng thịt hơi xuất chuồng năm 2020 đạt 70.078 tấn, tăng bình quân hàng năm 1,0% [↑](#footnote-ref-13)
14. Đến nay diện tích rừng trồng toàn tỉnh 112.257 ha. [↑](#footnote-ref-14)
15. Năm 2020, sản lượng nuôi trồng 13.329 tấn, tăng bình quân thời kỳ 2016 - 2020 đạt 2,2%; sản lượng khai thác đạt 73.951 tấn, tăng bình quân 5,3% [↑](#footnote-ref-15)
16. Quyết định 48 (sau gần 08 năm thực hiện đến nay đã hỗ trợ 1.600 tỷ đồng), Nghị định 67 (88 tàu cá đóng mới, 31 Tàu vỏ thép được trang bị đầy đủ thiết bị hiện đại trong khai thác thủy sản và dịch vụ trên biển đã tạo điều kiện cho ngư dân đóng mới, cải hoán tàu, đầu tư thiết bị hiện đại (máy dò ngang, đèn led, hầm bảo quản), cải tiến ngư cụ, đánh bắt xa bờ gắn với bảo vệ chủ quyền Quốc gia, đến nay đã có trên 1.200 tàu tham gia hoạt động vùng biển xa (có 13 tàu trên 1.000 CV) [↑](#footnote-ref-16)
17. Số tiêu chí đạt được bình quân/xã tăng từ 3,6 tiêu chí lên 15,5 tiêu chí, cao hơn bình quân chung cả nước [↑](#footnote-ref-17)
18. Năm 2020, thu nhập của cư dân nông thôn đạt 31,3 triệu đồng/người/năm, cao hơn 3,4 triệu đồng so với các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ. [↑](#footnote-ref-18)
19. Trong đó: công nghiệp khai khoáng tăng 10,5%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 7,1%; sản xuất và phân phối điện, khí đốt tăng 8,1%; cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải tăng 7,7%. [↑](#footnote-ref-19)
20. sản lượng xi măng và clinker đạt 23,77 triệu tấn, chế biến gỗ ván ép, gỗ ghép thanh 73.700 m3, may mặc 18 triệu sản phẩm... [↑](#footnote-ref-20)
21. như: kính cường lực, cơ khí sửa chữa, may mặc, mộc mỹ nghệ, chế biến hải sản, nấm Tuấn Linh, sâm Bố Chính, tinh bột nghệ, mật ong, tinh dầu lạc, khoai deo... nên dần tạo được thương hiệu sản phẩm. [↑](#footnote-ref-21)
22. như các dự án may xuất khẩu (May Lệ Thuỷ, may S&D Quảng Bình, may Thăng Long...), chế biến gỗ (Trường Thành, Quảng Phát, Thăng Long), sản xuất kính cường lực (Quang Hùng Phát, Đức Đạt), thu hồi nhiệt thải phát điện Nhà máy xi măng Sông Gianh và Văn Hoá, chế biến hải sản (surimi, bột cá), các nhà máy gạch không nung. [↑](#footnote-ref-22)
23. có 18 dự án đã được tỉnh thống nhất chủ trương cho khảo sát, nghiên cứu đầu tư, lập hồ sơ bổ sung quy hoạch phát triển điện lực quốc gia [↑](#footnote-ref-23)
24. Các dự án chậm tiến độ: chế biến gỗ MDF, OKAL, viên nén Năng lượng và điện mặt trời Dowha Hàn Quốc, dự án Nhiệt điện Quảng Trạch I. Các dự án chưa triển khai đầu tư: xi măng Sông Gianh giai đoạn II, xi măng Văn Hóa giai đoạn II, sản xuất cọc sợi, nâng công suất Nhà máy Bia Hà Nội – Quảng Bình. [↑](#footnote-ref-24)
25. Đến năm 2020 toàn tỉnh có 29.885 cơ sở kinh doanh, bình quân thời kỳ 2016 - 2020 tăng 2,8%. Trong đó: có 29.708 cơ sở kinh doanh cá thể, chiếm 97,3%; kinh tế tư nhân 830 cơ sở, chiếm 2,7%. [↑](#footnote-ref-25)
26. như: Siêu thị Co.opmart Quảng Bình, Trung tâm thương mại Vincom và các siêu thị, cửa hàng tiện ích ở các huyện, thị xã, thành phố [↑](#footnote-ref-26)
27. Quảng Bình được Trip Advisor, trang website về du lịch lớn nhất thế giới bình chọn là điểm đến hấp dẫn thứ tư tại Việt Nam; Lonely Planet, trang tư vấn du lịch lớn nhất thế giới liên tiếp bình chọn là một trong hai điểm đến đáng trải nghiệm nhất của Việt Nam; hang Sơn Đoòng luôn nằm trong nhóm những điểm đến tuyệt vời và đáng mong ước nhất trên thế giới… [↑](#footnote-ref-27)
28. trong đó có 3 khách sạn đạt tiêu chuẩn 5 sao, 5 khách sạn đạt tiêu chuẩn 4 sao, 10 khách sạn 3 sao, 19 khách sạn 2 sao, 15 khách sạn 1 sao cùng hệ thống các nhà nghỉ du lịch, homestay, farmstay. Có gần 3.000 cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống cùng các cơ sở cung cấp các sản phẩm phục vụ du khách tại các khu, điểm du lịch trên địa bàn tỉnh. [↑](#footnote-ref-28)
29. quần thể du lịch nghỉ dưỡng sinh thái cao cấp của tập đoàn FLC, khách sạn 5 sao Vinpearl Quảng Bình của tập đoàn Vingroup, dự án khách sạn Pullman 5 sao của Hà Nội Tourist, Radisson Palace Hotel Quảng Bình được quản lý, vận hành bởi Tập đoàn quản lý Khách sạn hàng đầu thế giới Radisson Hotel Group (Mỹ)... [↑](#footnote-ref-29)
30. có 43 tuyến cố định liên tỉnh, 43 tuyến nội tỉnh, 4 tuyến vận tải quốc tế Việt - Lào. Khối lượng hành khách vận chuyển tăng bình quân thời kỳ 2016 - 2020 đạt 8,2%; khối lượng hành khách luân chuyển tăng bình quân 8,7%. Khối lượng hàng hóa vận chuyển tăng bình quân thời kỳ 2016 - 2020 đạt 8,5%; khối lượng hàng hóa luân chuyển tăng bình quân 9,1%. Đến nay toàn tỉnh có 276 doanh nghiệp và HTX vận tải và trên 4.500 hộ cá thể hoạt động sản xuất kinh doanh ngành vận tải, kho bãi. [↑](#footnote-ref-30)
31. Trong đó: vốn đầu tư khu vực nhà nước 19.716 tỷ đồng, chiếm 21,2%; vốn khu vực ngoài nhà nước 71.889 tỷ đồng, chiếm 77,3%; vốn đầu tư khu vực có vốn đầu tư nước ngoài 1.395 tỷ đồng, chiếm 1,5% vốn đầu tư toàn xã hội. [↑](#footnote-ref-31)
32. đã và đang triển khai thực hiện 19 dự án ODA ở nhiều lĩnh vực góp phần hoàn thiện kết cấu hạ tầng đô thị, nông thôn, nâng cao năng lực sản xuất, cải thiện sinh kế, giảm nghèo bền vững... [↑](#footnote-ref-32)
33. Trong giai đoạn 2015-2020, đã đầu tư xây dựng mới và nâng cấp hoàn thành 1.989km đường bộ; xây dựng mới 78 cầu với tổng chiều dài 3.976m, trong đó có các dự án quan trọng như: Cầu Nhật Lệ 2, Đường từ thị trấn Hoàn Lão đến đường Hồ Chí Minh nhánh Đông, mở rộng QL1A đoạn đi qua tỉnh. Từ 2015-2020, đã xây dựng mới và nâng cấp…Dự án hệ thống đường từ cầu Nhật Lệ 2 đến đường Hồ Chí Minh nhánh Đông đang được triển khai đầu tư [↑](#footnote-ref-33)
34. Phối hợp với TCty Đường sắt Việt Nam cải tạo, nâng cấp 7/19 nhà ga ở các vùng đông dân cư; xây dựng các trạm cảnh báo trên các tuyến đường ngang giao cắt với đường sắt [↑](#footnote-ref-34)
35. Tiếp tục nâng cấp, mở rộng Cảng hàng không Đồng Hới để nâng cao năng lực vận tải bằng đường hàng không theo tiêu chuẩn quốc tế [↑](#footnote-ref-35)
36. Đầu tư xây dựng nâng cấp Cảng Hòn La để nâng cao năng lực hàng hóa thông qua, đạt công suất 9,5 triệu tấn hàng hóa/năm. [↑](#footnote-ref-36)
37. xây dựng mới, nâng cấp, sữa chữa các công trình hạ tầng thủy lợi và phục vụ sản xuất nông, lâm, thủy sản như: Khu neo đậu tránh trú bão tàu cá Cửa Ròon, Nhật Lệ, Kè cửa sông biển Nhật Lệ, sửa chữa, nâng cấp hồ Cây Mưng, các công trình phòng, chống thiên tai quy mô nhỏ thuộc Dự án WB5, tiểu dự án Sửa chữa, nâng cấp bảo đảm an toàn hồ chứa nước Phú Vinh, xử lý cấp bách đảm bảo an toàn hồ chứa nước Khe Cừa, Cơn Ruộng, Dự án Nâng cấp hệ thống đê, kè bảo vệ bờ sông và trồng rừng ngập mặn đểứng phó với biến đổi khí hậu các xã bãi ngang, cồn bãi thuộc thị xã Ba Đồn. Đến nay toàn tỉnh có 664 công trình, trong đó có 150 hồ chứa các loại, 215 đập dâng, 299 trạm bơm, 2.162 km kênh mương (kiên cố 1.018km), 245,4km đê các loại, 108 công trình nước sạch nông thôn. [↑](#footnote-ref-37)
38. Đến nay trên địa bàn tỉnh có 157/159 xã, phường, thị trấn có điện lưới, đạt tỷ lệ 98,53% (còn 02 xã Tân Trạch và Thượng Trạch, huyện Bố Trạch chưa có). Tỷ lệ hộ dân có điện lưới quốc gia năm 2020 là 99,80%. Dự án cung cấp điện bằng năng lượng mặt trời vốn vay ODA Hàn Quốc đã xây dựng hoàn thành cấp điênk cho 48 thôn, bản của 08 xã chưa có điện lưới quốc gia. [↑](#footnote-ref-38)
39. toàn tỉnh có 578 trường và 317 cơ sở giáo dục, 100% xã, phường, thị trấn có trường tiểu học và cơ sở giáo dục mầm non; 100% các huyện, thị xã, thành phố đều có trường THPT. Hệ thống trường trung cấp chuyên nghiệp, Trường đại học Quảng Bình được đầu tư chiều sâu, tăng cường cơ sở vật chất theo hướng hiện đại, đồng bộ [↑](#footnote-ref-39)
40. trong đó thu nội địa 21.365,2 tỷ đồng, thu họat động xuất nhập khẩu 868,8 tỷ đồng. [↑](#footnote-ref-40)
41. đặc biệt là hai tỉnh Khăm Muộn và Sạ-vẳn-na-khệt, mở rộng quan hệ hợp tác với tỉnh Chăm-pa-sắc [↑](#footnote-ref-41)
42. Năm 2018: Trao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và Biên bản thỏa thuận hợp tác đầu tư cho 66 dự án, với tổng vốn đầu tư 168.869 tỷ đồng, tương đương 7,34 tỷ USD. Năm 2021: Phó Thủ tướng đã trao Quyết định đầu tư của Chính phủ cho 02 dự án với tổng mức đầu tư 48.956 tỷ đồng; Lãnh đạo tỉnh trao Quyết định chủ trương đầu tư và Biên bản ghi nhớ hợp tác đầu tư cho 28 nhà đầu tư thực hiện 35 dự án với tổng vốn đăng ký hơn 92 nghìn tỷ đồng. [↑](#footnote-ref-42)
43. Từ 01/7/2015 (Luật Đầu tư 2014 có hiệu lực) đến 31/12/2020, UBND tỉnh đã phê duyệt Quyết định chủ trương đầu tư 374 dự án với tổng số vốn đăng đầu tư trong nước: 35.749 tỷ đồng. [↑](#footnote-ref-43)
44. Từ khi Luật Đầu tư có hiệu lực (ngày 01/7/2015) đến cuối năm 2020, mới có 186/374 dự án đăng ký đầu tư đã đưa vào sử dụng, với số vốn khoảng 14.500 tỷ đồng/35.749 tỷ đồng, mới đạt khoảng 40%. [↑](#footnote-ref-44)
45. UBND tỉnh đã ban hành Chương trình hành động số 1212/CTr-UBND ngày 3/8/2016 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020; ban hành Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa đến năm 2025. [↑](#footnote-ref-45)
46. Giai đoạn 2016 - 2020, có khoảng 3.000 doanh nghiệp được thành lập, đưa tổng số doanh nghiệp đến hết năm 2020 có 7.020 doanh nghiệp, với số vốn đăng ký 81.800 tỷ đồng. [↑](#footnote-ref-46)
47. Số lượng hợp tác xã trong toàn tỉnh đến 31/12/2020 có 311 HTX, trong đó thành lập mới 21 HTX, giải thể 2 HTX. 100% HTX đã chuyển đổi theo Luật HTX năm 2012. [↑](#footnote-ref-47)
48. Kế hoạch đến hết năm 2020 đạt 7.000 doanh nghiệp. [↑](#footnote-ref-48)
49. Từ năm 2015 đến 2020, UBND tỉnh đã quyết định giao đất cho 392 trường hợp với diện tích 1.125,88 ha; quyết định cho thuê đất 359 trường hợp với diện tích 1.620,89 ha [↑](#footnote-ref-49)
50. Đến hết 2020, toàn tỉnh đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được 544.103 giấy với diện tích 593.924,46 ha/618.550,50 ha, đạt tỷ lệ 96,13%. [↑](#footnote-ref-50)
51. UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2143/QĐ-UBND ngày 29/6/2018; Quyết định số 1778/QĐ-UBND ngày 31/5/2018 và Quyết định số 35/2018/QĐ-UBND ngày 20/12/2018 về phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến năm 2025. [↑](#footnote-ref-51)
52. Từng bước khắc phục được các tình trạng gây ô nhiễm môi trường tại các khu công nghiệp, cơ sở sản xuất, các bệnh viện, nơi công cộng, khu vực nông thôn, miền núi. Có 02 nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt đang triển khai thực hiện: Nhà máy phân loại xử lý rác thải, sản xuất biogas và phân bón khoáng hữu cơ tại xã Lý Trạch do Công ty TNHH Phát triển dự án Việt Nam đầu tư, đã hoàn thành dây chuyền phân loại và đi vào hoạt động thử nghiệm và Nhà máy xử lý rác thải tại xã Quảng Tiến do Công ty TNHH Môi trường xanh miền Trung đầu tư, hiện đã hoàn thành mặt bằng, chuẩn bị triển khai xây dựng. [↑](#footnote-ref-52)
53. Đặc biệt là việc quản lý, quan trắc, cảnh báo khắc phục sự cố ô nhiểm môi trường biển do Công ty TNHH gang thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh gây ra. [↑](#footnote-ref-53)
54. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom đạt 44,5% (Nghị quyết Đại hội là 85%) [↑](#footnote-ref-54)
55. Thực hiện tốt Đề án tăng cường tiếng Việt cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020, định hướng đến 2025; Đề án xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012-2020 toàn tỉnh và Đề án xóa mù chữ của tỉnh đến năm 2020. [↑](#footnote-ref-55)
56. Theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, đến năm 2020 có 70 - 75% trường trung học cơ sở và trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia, nhưng dự kiến đến 2020 chỉ có 59,03% trường trung học cơ sở và 42,42% trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia. [↑](#footnote-ref-56)
57. Thực hiện sắp xếp, tinh giản bộ máy các đơn vị sự nghiệp y tế theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (Khóa XII); Đề án 981/ĐA-UBND ngày 20/6/2018 của UBND tỉnh về việc sắp xếp, kiện toàn, nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2017-2020; Từ tháng 3/2017 chuyển các Trạm y tế tuyến xã về thuộc TTYT; Từ tháng 3/2019 chuyển TTDS về TTYT; Thành lập 2 Trung tâm CDC và Trung tâm Mắt – Nội tiết và bắt đầu hoạt động từ tháng 1/2020. [↑](#footnote-ref-57)
58. Quy mô giường bệnh đạt 35 giường bệnh/vạn dân; công suất sử dụng giường bệnh (tính trên giường kế hoạch) bình quân của các bệnh viện đạt 100,4%; tỷ lệ bác sĩ trên vạn dân đạt 10,58/(KH: 8) và 1,5 dược sĩ đại học trên vạn dân/KH: 1; tỷ lệ bao phủ BHYT đạt 90,01%/KH > 80%; Duy trì 100% trạm y tế có bác sĩ làm việc; 92,45% xã đạt bộ tiêu chí Quốc gia về y tế/KH 90,6%; tỷ suất tử vong trẻ dưới 1 tuổi và dưới 5 tuổi giảm dưới 10‰ và 15‰. Tỷ lệ trẻ dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ hàng năm đạt 95%. [↑](#footnote-ref-58)
59. Tỷ lệ SDD thể nhẹ cân năm 2020: dự kiến16,6%/KH 15%. [↑](#footnote-ref-59)
60. Tỷ lệ gia đình đạt danh hiệu văn hóa đạt 85,3%, tăng 5,4% so với năm 2015; tỷ lệ thôn, bản, tổ dân phố đạt 81,6%, tăng 16,6% so với năm 2015; tỷ lệ cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa đạt 83,1%, tăng 5,1% so với năm 2015. [↑](#footnote-ref-60)
61. trong đó có 55 di tích quốc gia và đặc biệt, 75 di tích cấp tỉnh. [↑](#footnote-ref-61)
62. Như: Lễ hội Hang động, Tuần Văn hóa - Du lịch Đồng Hới, Tuần Văn hóa - Thể thao - Du lịch và Hội rằm tháng Ba Minh Hóa, chuỗi các hoạt động và Lễ kỷ niệm 30 năm Ngày tái lập tỉnh và 70 năm Ngày Quảng Bình quật khởi để lại nhiều ấn tượng sâu sắc. [↑](#footnote-ref-62)
63. Số người tập luyện thể thao thường xuyên năm 2020 ước đạt 32,4%, tăng 2% so với năm 2016; số gia đình thể thao ước đạt 26,3%, tăng 1,3% so năm 2016; số câu lạc bộ TDTT ước đạt 2700 điểm, tăng 150 điểm so năm 2016. [↑](#footnote-ref-63)
64. Theo Nghị quyết đến năm 2020 có 50% số xã, phường, thị trấn có trung tâm văn hóa – thể thao đạt chuẩn; 100% xã, phường, thị trấn có thiết chế văn hóa đồng bộ, tuy nhiên hiện nay mới chỉ 38/151 nhà văn hóa – khu thể thao được xây dựng độc lập – đạt chuẩn. Cũng theo chỉ tiêu Nghị quyết đến năm 2020 có 100% thôn, bản, tổ dân phố có nhà văn hóa, khu thể thao, trong đó có 80% nhà văn hóa, khu thể thao đạt chuẩn, tuy nhiên hiện nay toàn tỉnh còn 25 thôn, bản, tổ dân phố chưa xây dựng nhà văn hóa - khu thể thao; chỉ có 939/1144 (chiếm 82%) nhà văn hóa, khu thể thao thôn bản, tổ dân phố đạt chuẩn. [↑](#footnote-ref-64)
65. hệ thống cáp thông tin từng bước được chỉnh trang, các trạm BTS cồng kềnh được chuyển đổi an toàn, thuận tiện; [↑](#footnote-ref-65)
66. bình quân hàng năm có trên 3,55 vạn lao động được giải quyết việc làm, có trên 3.500 lao động được tuyển dụng đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài [↑](#footnote-ref-66)
67. Hiện nay, có khoảng 23.000 người có công với cách mạng đang hưởng trợ cấp hàng tháng với kinh phí bình quân 35 tỷ đồng/tháng; có trên 98% hộ gia đình chính sách có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của dân cư nơi cư trú, 100% Mẹ Việt Nam anh hùng được các cơ quan, đơn vị nhận phụng dưỡng, chăm sóc đến suốt đời. [↑](#footnote-ref-67)
68. Có gần 14.100 trường hợp đủ điều kiện và đã được hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà ở. [↑](#footnote-ref-68)
69. Bình quân mỗi năm có trên 30.000 đối tượng bảo trợ xã hội hưởng trợ cấp xã hội thường xuyên tại cộng đồng. Đến nay, có trên 300 đối tượng bảo trợ xã hội đang được chăm sóc, nuôi dưỡng, chữa trị tập trung tại các cơ sở trợ giúp xã hội. [↑](#footnote-ref-69)
70. Việc xem xét, giải quyết các vấn đề như đất đai, xây dựng, sinh hoạt tôn giáo cũng được cấp uỷ Đảng, chính quyền các cấp cùng với các sở, ngành, địa phương có liên quan quan tâm, giải quyết, từng bước đáp ứng nhu cầu chính đáng của các tổ chức, chức sắc tôn giáo. [↑](#footnote-ref-70)
71. thành lập Sở Du lịch Quảng Bình và đổi tên Sở văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Quảng Bình thành Sở Văn hóa, Thể thao tỉnh Quảng Bình; thành lập Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp và Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nông nghiệp Quảng Bình. [↑](#footnote-ref-71)
72. Giai đoạn 2016 - 2020, tỷ lệ tinh giản biên chế công chức hưởng lương từ NSNN đạt 9,4%các cơ quan; tỷ lệ tinh giản biên chế sự nghiệp hưởng lương từ NSNN đạt 9,3%. [↑](#footnote-ref-72)
73. PAR INDEX: năm 2016 xếp thứ 43/63; năm 2017, 2018 xếp thứ 37/63; năm 2019 xếp thứ 36/63. SIPAS: năm 2017 xếp thứ 40/63; năm 2018 xếp thứ 24/63; năm 2019 xếp thứ 41/63. [↑](#footnote-ref-73)
74. chỉ số PAPI nhiều năm liền đứng trong nhóm 5 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước, cụ thể: năm 2016 xếp thứ 5/63, năm 2017 đứng đầu cả nước, năm 2018 xếp thứ 5/63, năm 2019 xếp thứ 6/63, năm 2020 xếp thứ 7/63. [↑](#footnote-ref-74)
75. Triển khai bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại 157/159 xã, phường, thị trấn; 8/8 đơn vị cấp huyện và 09/21 sở, ban, ngành. [↑](#footnote-ref-75)
76. như: quản lý, sử dụng đât đai, tài nguyên khoáng sản; quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, tài chính, ngân sách, cố phần hóa doanh nghiệp nhà nước... [↑](#footnote-ref-76)
77. qua giải quyết khiếu nại, tố cáo giai đoạn 2016 - 2019 đã thu hồi về cho nhà nước, tổ chức và công dân số tiền 6.594 triệu đồng, trả lại cho công dân 2.957 m2 đất [↑](#footnote-ref-77)
78. hoàn thành 100% kế hoạch diễn tập KVPT cấp tỉnh, huyện, xã [↑](#footnote-ref-78)
79. Trong nhiệm kỳ qua có trên 94% cán bộ thuộc các đối tượng được bồi dưỡng kiến thức QPAN. [↑](#footnote-ref-79)
80. Đã chính quy hóa lực lượng Công an xã trong toàn tỉnh [↑](#footnote-ref-80)
81. Như: tín dụng đen; sử dụng công nghệ cao để đánh bạc; mua bán, vận chuyển trái phép ma túy, vật liệu nổ; trốn thuế, sản xuất hàng giả… [↑](#footnote-ref-81)
82. như du lịch, năng lượng tái tạo, khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng, nuôi trồng và chế biến nông, lâm, thủy sản [↑](#footnote-ref-82)